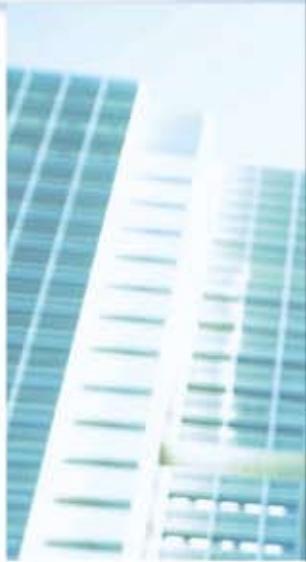


Mục lục

Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám đốc	2-3
Lịch sử hoạt động	4-7
- Việc thành lập	
- Quá trình phát triển và các sự kiện quan trọng	
- Định hướng - Mục tiêu phát triển	
Thông tin cổ đông, thành viên góp vốn và quản trị công ty	
- Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát	8-9
- Các dữ liệu thống kê về cổ đông	10-11
- Ban điều hành	12-13
- Sơ đồ tổ chức	14-15
Khái quát hoạt động	16
Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh	17
Hoạt động kinh doanh năm 2008	
- Hoạt động Huy động vốn - Hoạt động Tín dụng	18-19
- Hoạt động Đầu tư	20-21
- Hoạt động Nghiệp vụ Ngân hàng Quốc tế	22
- Hoạt động Kinh doanh ngoại hối	23
- Dịch vụ thẻ SCB link - Dịch vụ E-Banking	24
- Công nghệ Thông tin	25
- Tổ chức nhân sự - Công tác Đào tạo	26-27
- Hoạt động Quản lý rủi ro - Kết quả hoạt động kinh doanh	28-29
Các công ty liên quan	
- Công ty CPĐT Sài Gòn Phú Gia	30-31
- Công ty chứng khoán Tân Việt	32-33
- Các dự án đầu tư	34-35
Những sự kiện nổi bật của SCB năm 2008	36-37
Hoạt động cộng đồng	38-39
Báo cáo tài chính	40-87
Mạng lưới hoạt động SCB	88-89
Danh sách ngân hàng Đại lý	90-94



Ông LÊ QUANG NHƯỢNG - Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Thông Điệp Của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị & Tổng Giám Đốc

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Kính thưa Quý khách hàng!

Năm 2008, nền kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, đặc biệt là diễn biến bất thường của giá dầu, giá vàng; cuộc khủng hoảng tài chính bắt nguồn từ Mỹ lan rộng ra phạm vi toàn cầu làm kinh tế thế giới suy giảm mạnh. Kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, thách thức lớn, lạm phát gia tăng làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Trong những điều kiện trên, để góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và chống lạm phát tiếp đến là giảm phát theo chủ trương chung của Chính phủ và NHNN, cùng với các định chế tài chính khác, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - SCB đã có những quyết sách, giải pháp đúng, nhanh nhạy, nên vẫn giữ được an toàn hoạt động, an toàn thanh khoản và giữ niềm tin đối với khách hàng. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008 thể hiện rõ ở các điểm sau đây:

- Quy mô hoạt động được duy trì ổn định và có sự tăng trưởng. Cuối năm 2008, tổng tài sản của SCB đạt 38.596 tỷ đồng, tăng 49% so với đầu năm. Vốn chủ sở hữu đạt 2.526 tỷ đồng, tăng đều theo đúng lộ trình đã xác định. Mạng lưới với 87 điểm giao dịch được thiết lập, gấp đôi so với năm 2007, là cơ sở để SCB tăng cường sự hiện diện và tiếp cận khách hàng trong cả nước.
- Chất lượng hoạt động được kiểm soát và nâng cao, đặc biệt là chất lượng tín dụng, tỷ lệ nợ xấu/ tổng dư nợ chỉ ở mức 0,57%, quý dự phòng rủi ro được trích lập đầy đủ đạt mức 188 tỷ đồng vào cuối năm 2008. Hệ số An toàn vốn tối thiểu (CAR), tỷ lệ khả năng thanh toán... đều được duy trì cao hơn mức quy định của Ngân hàng Nhà nước. Cơ cấu nguồn vốn huy động tiếp tục được cải thiện tốt hơn năm trước: vào 31/12/2008, tỷ lệ huy động từ tổ chức kinh tế, dân cư (thị trường 1) so với huy động từ các tổ chức tín dụng khác (thị trường 2) là 90% : 10%.
- Trách nhiệm doanh nghiệp đối với xã hội của SCB tiếp tục đi vào chiều sâu. Ngoài các chính sách tạo sự gắn bó của tập thể CBNV với Ngân hàng, tại SCB, tinh thần văn còn thể hiện ở sự quan tâm đến khách hàng và cộng đồng xã hội .



Ông PHẠM ANH ĐỨNG - Tổng Giám đốc

Nhờ kết quả hoạt động kinh doanh phát triển ổn định, đạt hiệu quả trong doanh thu và lợi nhuận cùng với các chính sách về khách hàng, về quan hệ cộng đồng nội bộ và xã hội được đánh giá tốt, nên thiện cảm của các khách hàng và các cơ quan hữu quan thuộc trung ương, địa phương các cấp đối với thương hiệu SCB tiếp tục được nâng cao, thể hiện qua các giải thưởng: Dịch vụ Ngân hàng bán lẻ được hài lòng nhất năm 2008, Sao Vàng Phương Nam, Sao Vàng Đất Việt, cúp vàng "Vì sự phát triển cộng đồng" 3 năm liên tục ...

Sang năm 2009, tình hình kinh tế tài chính quốc tế cũng như trong nước sẽ còn nhiều diễn biến phức tạp, hoạt động kinh doanh của SCB không thể chủ quan; nhưng chúng tôi tin tưởng sâu sắc rằng với sự đồng thuận và ủng hộ của Quý cổ đông, của khách hàng và đối tác bạn hàng trong và ngoài nước, dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo sâu sát của NHNN các cấp, cùng với sự cố gắng vươn lên không mệt mỏi của lãnh đạo và tập thể người lao động trong toàn hệ thống SCB, hoạt động kinh doanh của SCB trong năm 2009 và các năm tới sẽ tiếp tục gặt hái những thành công mới!

Trân trọng.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÊ QUANG NHƯỜNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

phamanhdung

PHẠM ANH ĐỨNG



Lịch sử hoạt động

Việc thành lập:

Tiền thân là Ngân hàng TMCP Quế Đô được thành lập năm 1992 theo Giấy phép hoạt động số 00018/NH-GP ngày 06/06/1992 của Thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam và giấy phép thành lập số 308/GP-UB ngày 26/06/1992 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM cấp.

Đến ngày 08/04/2003, Ngân hàng TMCP Quế Đô chính thức đổi tên thành Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) theo quyết định số 336/QĐ-NHNN ngày 08/04/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và duy trì hoạt động cho đến nay.

Ngành nghề kinh doanh:

Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác, cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá, hùn vốn và liên doanh, kinh doanh ngoại hối và làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng tại Việt Nam và với nước ngoài.

Quá trình phát triển và các sự kiện quan trọng:

1992 - 2002
Từ năm 1992 - 2002

Trong 10 năm hoạt động, từ năm 1992 đến 2002, Ngân hàng TMCP Quế Đô kinh doanh không hiệu quả, lỗ trên 63 tỷ đồng so với vốn điều lệ 10 tỷ đồng; bộ máy quản trị điều hành ngày càng yếu kém, bế tắc.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Ngân hàng Nhà Nước, một cuộc cải tổ ngân hàng đã được tiến hành. Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã được thay mới, thực hiện tái cấu trúc toàn bộ hệ thống nhân sự; áp dụng "chiến lược tự rút ruột" tức là lấy vốn điều lệ để hoàn trả các khoản nợ cũ và xoá lỗ, đầu tư vào công nghệ thông tin, cơ chế quản trị điều hành hoạt động kinh doanh chặt chẽ, bài bản được xác lập; hàng loạt sản phẩm dịch vụ mới ra đời với sự ủng hộ của các khách hàng cũ và mới... đã từng bước vực dậy Ngân hàng.

2003
Năm 2003

Ngày 08/04/2003, chính thức đổi tên thành Ngân hàng TMCP Sài Gòn – SCB.

Là năm đầu tiên có lãi sau hơn 12 năm thành lập: SCB lãi 54 triệu đồng; tổng tài sản đạt 1.133 tỷ đồng, gấp 4,4 lần so với cuối năm 2002.

2004
Năm 2004

SCB có sự thay đổi về nhân sự trong Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Một số cổ đông lớn mới thay thế những cổ đông lớn cũ; Ban điều hành mới được củng cố, sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ lãnh đạo được tăng cường. Đây là bước ngoặt bắt đầu cho một giai đoạn phát triển ổn định của SCB từ năm 2005 và sau này.

Tổng tài sản SCB đạt 2.268 tỷ đồng, tăng 100,14% so với năm 2003. Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 19 tỷ đồng

2005 Năm 2005

Được coi là năm bản lề của sự tồn tại và phát triển của SCB.

Tổng tài sản SCB đạt 4.031 tỷ đồng, tăng 77% so với năm 2004, gấp 15.7 lần so với năm 2002 lãi trước thuế đạt trên 46 tỷ đồng; bắt đầu chia cổ tức cho cổ đông 12%; là năm đầu tiên SCB được Ngân hàng Nhà nước xếp loại A trong khối các Ngân hàng TMCP; nhận được hàng loạt giải thưởng, danh hiệu về hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và đóng góp vào cộng đồng xã hội.

2006 Năm 2006

Tổng tài sản đạt gần 11.000 tỷ đồng, gấp 2,7 lần so với năm 2005; lợi nhuận trước thuế đạt 154 tỷ đồng, gấp 3,3 lần so với năm 2005; mạng lưới hoạt động trải đều trên cả nước với hơn 23 điểm, gấp 2 lần so với năm 2005; đón nhận nhiều sự kiện lớn trong năm: Ông Phạm Anh Dũng - Tổng giám đốc SCB vinh dự là một trong 100 "Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu" trên toàn quốc; SCB đạt Kỷ lục Việt Nam về sự kiện "Ngân hàng TMCP đầu tiên phát hành trái phiếu chuyển đổi" cùng các giải thưởng về thương hiệu, sản phẩm và xã hội khác.

2007 Năm 2007

Tổng tài sản đạt gần 26.000 tỷ đồng, gấp 2,5 lần so với năm 2006; vốn chủ sở hữu đạt trên 2.402 tỷ đồng, gấp 3,5 lần so với năm 2006; mạng lưới hoạt động với 42 điểm giao dịch, gấp đôi so với năm 2006; tỷ lệ huy động từ tổ chức kinh tế, dân cư so với huy động từ các tổ chức tín dụng khác được cải thiện: 75%:25% (năm 2006, tỷ lệ này là 40%:60%); là năm đầu tiên SCB thực hiện kiểm toán quốc tế - do Công ty Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam đảm trách; là một trong Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam về lợi nhuận, tổng tài sản, số lao động; nhận được nhiều danh hiệu do các cơ quan quản lý và khách hàng trao tặng: đạt cờ thi đua do Ngân hàng Nhà nước trao tặng vì thành tích hoạt động; "Doanh nghiệp Việt Nam uy tín - chất lượng 2007", Cúp Cầu vàng Việt Nam 2007 ngành Ngân hàng...

4- Định hướng - mục tiêu phát triển hoạt động kinh doanh:

Kinh nghiệm quốc tế rút ra từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu bắt nguồn từ sự yếu kém quản lý kinh doanh tín dụng ngân hàng tại Mỹ đã giúp các Ngân hàng thương mại Việt Nam nói chung, trong đó có SCB là phải luôn tuân thủ đúng đắn mọi chính sách, chủ trương của Nhà nước và quy chế hoạt động kinh doanh tiền tệ ngân hàng theo luật pháp trong cơ chế thị trường; định hướng mục tiêu chung của SCB là phát triển phải đảm bảo ổn định, bền vững; hiệu quả hoạt động kinh doanh cần đặt trên cơ sở giữ vững các thiết chế an toàn hoạt động ngân hàng làm mục tiêu xuyên suốt; đề cao vai trò kiểm tra giám sát trong tất cả các nghiệp vụ kinh doanh; mọi hoạt động kinh doanh tác nghiệp đều gắn với giải pháp phòng chống các loại rủi ro có thể phát sinh; thường xuyên duy trì tính thanh khoản cao trong mọi lúc mọi nơi; tuyệt đối giữ vững chữ tín của ngân hàng trong lòng khách hàng; từng bước xây dựng SCB thành Ngân hàng TMCP đại chúng đa năng, ngày càng gắn kết các dịch vụ ngân hàng trong dân cư và trong mọi đối tượng tổ chức kinh tế trong phạm vi cả nước, theo cơ chế tổ chức hoạt động ngân hàng Bán lẻ hiện đại...

Để đảm bảo định hướng chung trên đây, SCB chú trọng thực hiện đồng bộ các chương trình mục tiêu phát triển trong các khâu then chốt sau:

- **Nâng cao năng lực tài chính và năng lực cạnh tranh** trên cơ sở đa dạng hóa đối tượng cổ đông chủ sở hữu. Trong đó, xác định rõ yêu cầu thu hút một số cổ đông trong nước và nước ngoài có tiềm lực và vị thế mạnh gồm chủ yếu những định chế tài chính ngân hàng thương mại và đầu tư phát triển; thực hiện tăng vốn điều lệ - cổ phần theo lộ trình hàng năm; xúc tiến việc niêm yết chứng khoán SCB trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- **Phát triển mạnh hoạt động dịch vụ tài chính ngân hàng thương mại** làm mảng kinh doanh cốt lõi; mở rộng mạng lưới trong nước và cả một số địa bàn ở nước ngoài; tăng cường hoạt động ngân hàng bán lẻ tại Việt Nam.
- **Từng bước xác lập và đẩy mạnh hoạt động sang các lĩnh vực đầu tư tài chính;** Tư vấn, môi giới và kinh doanh chứng khoán; Quản lý quỹ đầu tư; Phát triển hoặc liên kết phát triển dịch vụ Bảo hiểm, dịch vụ Bất động sản và dịch vụ ngân hàng quốc tế khác...
- **Đảm bảo quản trị và duy trì ổn định phát triển bền vững** các chỉ tiêu tài chính, tỷ lệ an toàn vốn, an toàn thanh khoản cao, tiến tới là một chủ thể cho vay trên thị trường liên ngân hàng tại Việt Nam.
- **Nghiên cứu phát triển ứng dụng các công nghệ ngân hàng tiên tiến nhất** nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh, quản trị kinh doanh hiệu quả cao và phát triển mạnh các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới phù hợp xu thế mở cửa và hội nhập sâu rộng, trên nền tảng công nghệ hiện đại.
- **Bảo vệ tốt nhất mọi quyền lợi hợp lý** của tất cả cổ đông.
- **Phát triển nguồn nhân lực mạnh** đan xen giữa các thế hệ, độ tuổi. Áp dụng nhất quán chính sách cơ chế lương, thưởng đai ngộ nhân tài cống hiến và hệ thống các cơ chế chính sách khác để duy trì, tăng cường sức mạnh về nhân lực chuyên môn, chuyên sâu, ...
- **Tăng cường công tác nghiên cứu dự báo thông tin kinh tế thị trường** phục vụ thiết thực hoạt động kinh doanh; phát triển công tác quảng cáo truyền thông thông qua công tác quan hệ cộng đồng, nâng cao vị thế SCB trên thị trường trong nước và quốc tế.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG, THÀNH VIÊN GÓP Hội Đồng Quản Trị



1 Ông Lê Quang Nhường
Chủ tịch HĐQT

2 Ông Phạm Anh Dũng
Thành viên HĐQT

3 Ông Nguyễn Thế Linh
Thành viên HĐQT

4 Ông Phan Vĩ Dân
Thành viên HĐQT

VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ban Kiểm Soát



Ông Nguyễn Viết Văn
Trưởng Ban kiểm soát



Bà Trương Thị Huyền
Thành viên Ban kiểm soát

Thông Tin Cổ Đông

1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Đến thời điểm cuối năm 2008, Hội đồng quản trị SCB bao gồm 04 thành viên (không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập) và Ban Kiểm soát SCB bao gồm 03 thành viên (trong đó có một thành viên đang trình chuẩn y từ nhiệm) cụ thể:

Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch HĐQT: Ông Lê Quang Nhuờng,
- Thành viên HĐQT: Ông Phạm Anh Dũng (kiêm Tổng Giám đốc),
- Thành viên HĐQT: Ông Phan Vĩ Dân (Đại diện cổ đông pháp nhân Công ty CP ĐTTC Việt Vĩnh Phú),
- Thành viên HĐQT: Ông Nguyễn Thế Linh (kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực).

Trong năm 2008, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ngân hàng TMCP Sài Gòn đã gặt hái được nhiều kết quả đáng ghi nhận dù môi trường hoạt động có nhiều khó khăn, bất ổn. Những quyết sách kịp thời, những chủ trương đúng đắn trong mọi lĩnh vực: nhân sự, mở rộng mạng lưới, điều chỉnh hướng phát triển nghiệp vụ kinh doanh... được Hội đồng quản trị đưa ra phù hợp với thực tế hoạt động của SCB và được Ban điều hành triển khai kịp thời. Nhờ đó, quy mô hoạt động ngày càng tăng trưởng và luôn duy trì tốc độ cao hơn mức bình quân chung của ngành. Chất lượng hoạt động tiếp tục được kiểm soát và nâng cao hơn năm trước. Thương hiệu của SCB tiếp tục được các cơ quan quản lý và khách hàng quan tâm, tín nhiệm...

Mặc dù chưa tiến hành thành lập các tiểu ban nhưng Hội đồng quản trị SCB đã có những bước chuẩn bị về nhân sự, tổ chức hoạt động cho các lĩnh vực này để có thể triển khai thực hiện ngay khi SCB thuộc diện quy định của Ngân hàng Nhà nước và Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

Ban Kiểm soát:

- Trưởng Ban Kiểm soát: Ông Nguyễn Viết Văn,
- Thành viên Ban Kiểm soát: Ông Hoàng Thái Phương (đang trình chuẩn y việc từ nhiệm).
- Thành viên Ban Kiểm soát: Bà Trương Thị Huyền,

Năm 2008, Ban Kiểm soát luôn đảm bảo thực hiện đúng và hiệu quả các nhiệm vụ của Ban thông qua việc không chỉ theo dõi chặt chẽ các mặt hoạt động của Ngân hàng qua hệ thống thông tin online hàng ngày, mà còn phối hợp với các bộ phận chức năng tiến hành những đợt kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tại các phòng, ban Hội sở hoặc các chi nhánh, đơn vị trực thuộc của SCB để đưa ra những nhận xét, kiến nghị hợp lý, góp phần đảm bảo hoạt động của SCB an toàn và hiệu quả, theo đúng quy định của Ngành và của pháp luật.

Thời gian qua, tại SCB, giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành luôn có sự phối hợp chặt chẽ. Để đảm bảo hoạt động của SCB ổn định và đạt hiệu quả cao, đóng vai trò quyết định chính là năng lực quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Hầu hết thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành đều có trình độ chuyên môn cao, bồi dưỡng kinh

nghiệm trong hoạt động quản trị ngân hàng, có kiến thức về quản trị với các văn bằng, chứng chỉ về quản trị kinh doanh, quản trị tài chính. Tuy nhiên, để có thể quản trị Ngân hàng tốt hơn trong quá trình mở rộng, phát triển quy mô khi Việt Nam đã hội nhập vào thị trường quốc tế, tăng sức cạnh tranh của SCB trên thị trường trong nước, từng bước vươn ra thế giới, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành luôn ý thức nâng cao năng lực quản trị của từng thành viên. Do vậy, trong thời gian tới, SCB sẽ tiếp tục tổ chức các hội thảo chuyên đề quản trị ngân hàng dành cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, hợp tác với các tổ chức đào tạo uy tín trong và ngoài nước cũng như các ngân hàng bạn để nâng cao thêm kiến thức và kỹ năng quản trị cho cán bộ lãnh đạo và đội ngũ kế cận...

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

Thông tin về vốn điều lệ

ĐVT: đồng.

Vốn điều lệ đầu kỳ	Vốn điều lệ tăng trong kỳ	Vốn điều lệ cuối kỳ
(01/01/2008)	(20/08/2008)	(31/12/2008)
1.970.000.000.000	210.683.060.000	2.180.683.060.000

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng / cổ phần.

Thông tin về số lượng cổ đông

Số lượng cổ đông đầu kỳ	Số lượng cổ đông tăng trong kỳ	Số lượng cổ đông giảm trong kỳ	Số lượng cổ đông cuối kỳ
1.299	210	121	1.388
Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:
01 cổ đông là tổ chức	01 cổ đông là tổ chức	00 cổ đông là tổ chức	02 cổ đông là tổ chức

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn (cổ đông sở hữu từ 5% VDL) tại thời điểm 31/12/2008:

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VIỆT VĨNH PHÚ
- Địa chỉ : 193-203 Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang, Q.1, TP. HCM
- Số điện thoại : 08.38367826 - Fax: 08.38367827
- Số Giấy CNDKKD : 4103007767
- Cấp ngày : 10/09/2007 (Đăng ký lại lần thứ 1)
- Nơi cấp : Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.HCM
- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Ông PHAN VĨ DÂN
- Thành phần vốn chủ sở hữu: 100% vốn tư nhân
- Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu dân cư. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê mặt bằng, quầy hàng, văn phòng. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất.
- Đại diện pháp nhân tại SCB: Ông PHAN VĨ DÂN.
- Số cổ phần sở hữu: 62.037.883 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu: 28,449%

Ban Điều Hành



● Hàng dưới - Từ trái sang

Ông PHẠM ANH DŨNG

Năm sinh
Trình độ chuyên môn

Tổng Giám đốc

1965
Thạc sĩ Kinh Tế, Cử nhân Tài chính Ngân hàng

NGUYỄN THẾ LINH

Năm sinh
Trình độ chuyên môn

Phó Tổng Giám đốc thường trực

1967
Cử nhân Tài chính Ngân hàng

HỒ THỊ THANH TRÚC

Năm sinh
Trình độ chuyên môn

Phó Tổng Giám đốc

1967
Thạc sĩ Kinh Tế, Cử nhân Ngoại ngữ ngành Anh văn, Pháp văn

NGUYỄN LÊ DIỆU THƠ

Năm sinh
Trình độ chuyên môn

Phó Tổng Giám đốc

1968
Thạc sĩ Kinh Tế, Cử nhân Tài chính Ngân hàng
Cử nhân Quản trị kinh doanh

VŨ THỊ KIM CÚC

Năm sinh
Trình độ chuyên môn

Phó Tổng Giám đốc

1956
Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Luật



● Hàng trên - Từ trái sang

TRƯỜNG VĂN NHƠN

Năm sinh
Trình độ chuyên môn

Phó Tổng Giám đốc

1944
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Cử nhân Ngoại ngữ ngành Anh văn

DIỆP BẢO CHÂU

Năm sinh
Trình độ chuyên môn

Phó Tổng Giám đốc

1973
Cử nhân Kinh Tế, Cử nhân Ngoại ngữ ngành Anh văn

TRẦN MINH CƯỜNG

Năm sinh
Trình độ chuyên môn

Phó Tổng Giám đốc

1973
Cử nhân Kinh Tế

TRƯỜNG NGỌC DANH

Năm sinh
Trình độ chuyên môn

Phó Tổng Giám đốc

1973
Cử nhân Kinh Tế ngành Quản trị kinh doanh

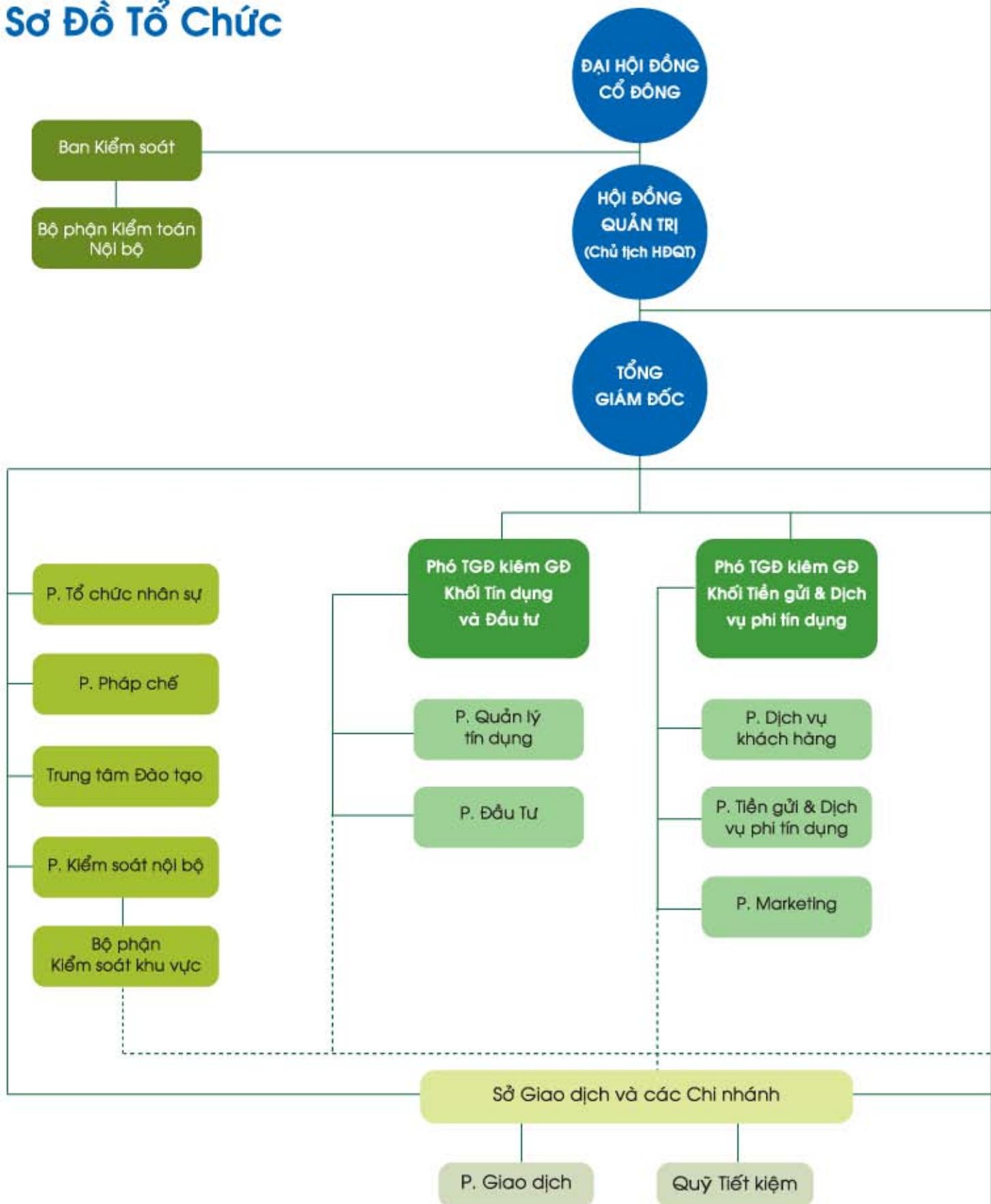
THÀN NGỌC MINH

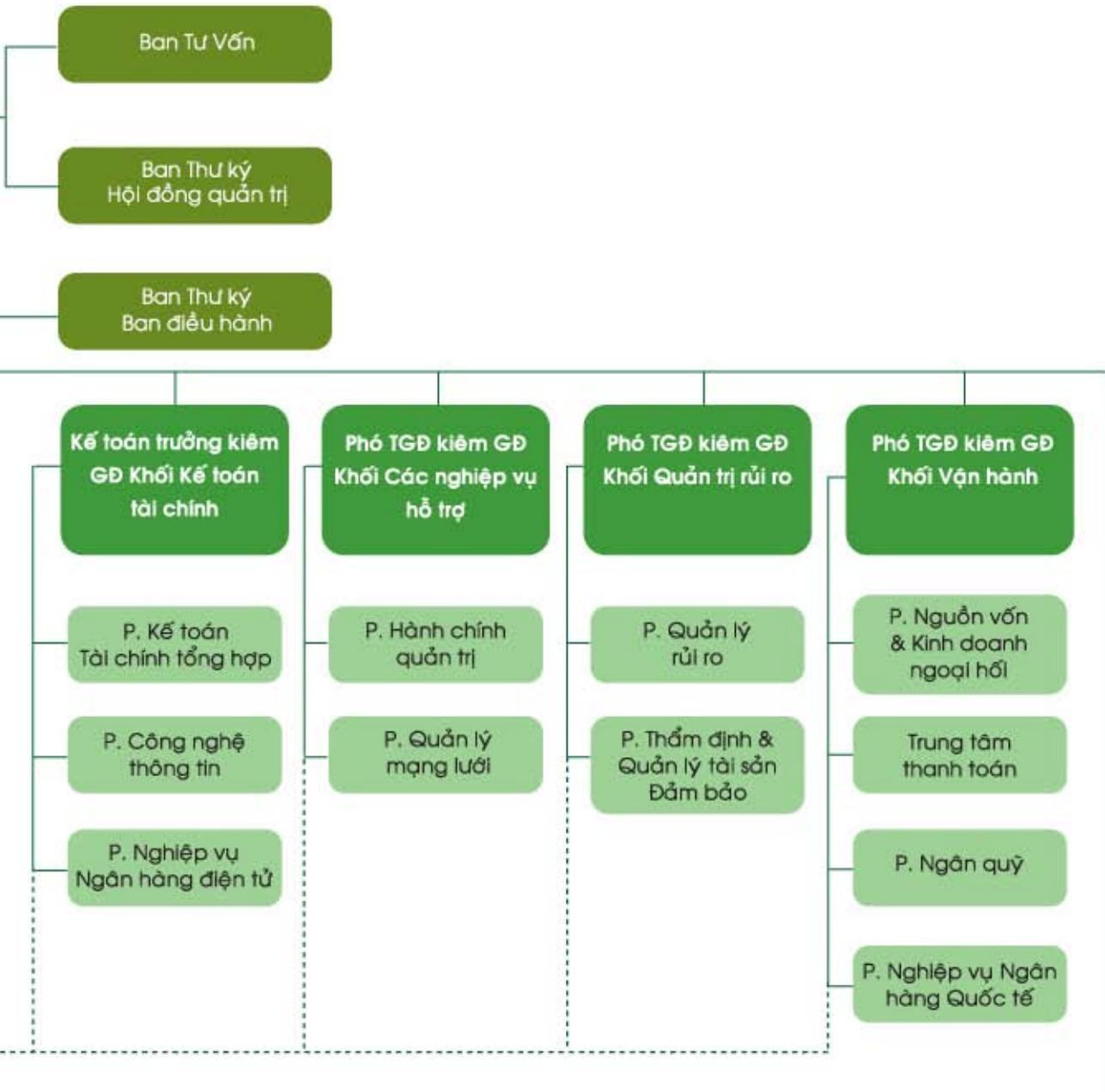
Năm sinh
Trình độ chuyên môn

Kế Toán Trưởng

1972
Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Sơ Đồ Tổ Chức





Mối quan hệ trực tiếp _____

Mối quan hệ phối hợp _____



Khái Quát Hoạt Động

Phát huy sức mạnh nội lực, tận dụng thời cơ, vượt qua thử thách, trong năm 2008, SCB đã duy trì được hoạt động kinh doanh ổn định và có sự tăng trưởng. Tổng tài sản đạt 38.596 tỷ đồng, tăng 49% so với năm 2007. Vốn chủ sở hữu đạt trên 2.526 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2007. Tổng nguồn vốn huy động đạt 34.605 tỷ đồng, tăng 53% so với năm trước. Dư nợ tín dụng đạt 23.278 tỷ đồng, tăng 20% so với năm trước. Mạng lưới hoạt động với 87 điểm giao dịch, gấp đôi so với năm 2007, là cơ sở để SCB tăng cường sự hiện diện và tiếp cận khách hàng trong cả nước...

Với các biện pháp thực hành tiết kiệm, kiểm soát chi phí, quản trị tốt rủi ro, nâng cao tính đồng bộ trong toàn hệ thống, năm 2008, SCB đưa chất lượng hoạt động lên hàng đầu nhằm đảm bảo tính an toàn, ổn định của Ngân hàng. Các hệ số an toàn (tỷ lệ nợ xấu, khả năng thanh toán, hệ số an toàn vốn tối thiểu...) đều được đảm bảo tốt hơn mức quy định của Ngân hàng Nhà nước. Hiệu quả kinh doanh, nhờ đó, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng SCB vẫn cố gắng duy trì ở mức khá tốt với tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 22,75%, tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) đạt 2,06%.



Một Số Chỉ Tiêu Hoạt Động Kinh Doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Tổng tài sản	38.596.053
Vốn chủ sở hữu	2.526.143
Tổng nguồn vốn huy động	34.605.947
Tổng dư nợ cho vay	23.278.254
Lợi nhuận trước thuế	646.424
Tỷ lệ nợ quá hạn/tổng dư nợ	1,25%
Tỷ lệ nợ xấu	0,57%
ROE (tỷ suất lợi nhuận / vốn chủ sở hữu)	22,75%
ROA (tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản)	2,06%
Tỷ lệ cổ tức chia cho cổ đông	12%
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	9,91%



Hoạt Động Huy động Vốn

Năm 2008 đã đánh dấu những bước tiến mạnh mẽ trong công tác huy động vốn của SCB. Trước bối cảnh thị trường tài chính đầy biến động, SCB đã triển khai thành công hàng loạt các sản phẩm mang tính đột phá, khẳng định vị thế đi đầu trong việc tạo nên sự khác biệt như Lạm phát vẫn có lãi, Tiết kiệm VN Đồng đảm bảo bằng vàng. Đầu tư qua đêm hưởng lãi suất cao, Lãi suất tăng tốc, Lãi suất tăng điều chỉnh tăng, Hoán đổi lãi suất – Kéo dài kỳ hạn...

Bằng cơ chế lãi suất phù hợp, mang tính cạnh tranh cao, với sự linh hoạt trong kỳ hạn gửi, rút vốn và lợi ích vượt trội, những sản phẩm như Kỳ hạn duy nhất – Lãi suất linh hoạt, Gửi tiền nhận lãi ngay hay chương trình Ngày đại phát 08/08/2008... đã thu hút sự quan tâm và ủng hộ của khách hàng trên cả nước.

Góp phần không nhỏ vào thành công trong công tác huy động vốn của SCB năm 2008 là những chính sách, sản phẩm mang tính nhân văn như Tích lũy hưu trí, Tiết kiệm nhân văn, Chính sách Điều chỉnh tăng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cho khách hàng từ 50 tuổi trở lên. Chương trình tiền gửi Tiếp sức đến trường không chỉ là chương trình huy động vốn đơn thuần mà trên hết đó chính là ý nghĩa cao đẹp trong việc khách hàng và SCB cùng chung tay góp sức hỗ trợ học sinh nghèo trên cả nước bên cạnh nhiều hoạt động từ thiện khác...

Tính đến cuối năm 2008, tổng nguồn vốn huy động đạt 34.605 tỷ đồng trong đó huy động thị trường 1 là 26.830 tỷ đồng và thị trường 2 là 3.104 tỷ đồng, tỷ trọng thị trường 1 và thị trường 2 đạt 90%:10%.

Tốc độ tăng trưởng tổng nguồn vốn huy động trong năm 2008 đạt 53%, đạt bình quân 118% trong giai đoạn 2005-2008, được đóng góp chủ yếu bởi sự tăng trưởng của nguồn tiền gửi khách hàng và phát hành giấy tờ có giá.



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2008

Hoạt Động Tín Dụng

Tổng dư nợ tín dụng năm 2008 của SCB đạt 23.278 tỷ đồng, tăng trưởng 20% so với cùng kỳ năm trước và phù hợp với mức tăng trưởng của ngành.

Bên cạnh việc tăng trưởng tín dụng, SCB đã không ngừng cải thiện tỷ trọng, cơ cấu cho vay giữa các ngành kinh tế, thành phần kinh tế cũng như thời hạn cho vay luôn đảm bảo phù hợp với tính chất của khoản vay và nguồn huy động của SCB trong từng thời kỳ. Điều này đã được thể hiện rõ nét trong năm 2008 thông qua tỷ trọng dư nợ trung, dài hạn chiếm 35% tổng dư nợ toàn hàng (năm 2007, tỷ lệ này đạt 17%). Bên cạnh đó, dư nợ của SCB tập trung phần lớn vào ngành công nghiệp chế biến, sản xuất - phân phối điện & khí đốt, xây dựng - kinh doanh bất động sản (văn phòng cho thuê, căn hộ,...).

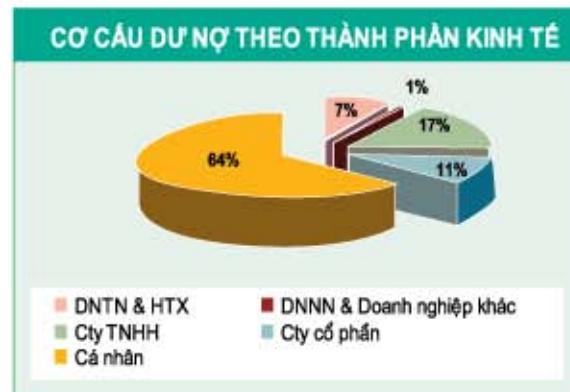
Đối với lĩnh vực cho vay kinh doanh chứng khoán, với các điều kiện tín dụng chặt chẽ, SCB đã kiểm soát và duy trì tỷ trọng cho vay đối tượng này tại SCB chỉ chiếm 0,9% trên tổng dư nợ.

Với phương châm chất lượng đi đôi với tăng trưởng tín dụng, việc kiểm soát và quản lý rủi ro trong hoạt động tín dụng tại SCB luôn được quan tâm. Nợ xấu được duy trì ở mức an toàn, xoay quanh mức 0,34% tổng dư nợ tín dụng năm 2007 và 0,57% vào năm 2008. Đặc biệt trong tình hình biến động trong năm vừa qua với sự khủng hoảng của thị trường bất động sản, SCB đã đảm bảo chất lượng tín dụng trong tình hình "bong bóng bất động sản xì hơi" bằng phương pháp chọn lọc chặt chẽ các đối tượng cho vay trong lĩnh vực bất động sản (chủ đầu tư, người tiêu dùng có nhu cầu thực sự), cân nhắc thời điểm tham gia tài trợ dự án (SCB tài trợ dự án từ giai đoạn đầu bù giải tỏa, san lấp mặt bằng); nhờ đó, tỷ lệ nợ xấu về lĩnh vực cho vay bất động sản chỉ chiếm 0,07% tổng dư nợ tín dụng.

Đạt được kết quả trên là nhờ SCB có chính sách tín dụng đúng đắn, phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước, kết hợp sự chỉ đạo sáng suốt của Ban Điều hành và sự hợp tác hiệu quả đồng bộ trong toàn hệ thống.

Với khả năng phân tích và tư vấn hợp lý của đội ngũ cán bộ tín dụng, SCB luôn đồng hành cùng khách hàng vượt qua giai đoạn khó khăn chung của nền kinh tế như chính sách đồng hành lãi suất, chính sách cho vay VND lãi suất USD.

Trong giai đoạn phát triển mới, SCB không ngừng hoàn thiện các chính sách tín dụng, từng bước đa dạng hóa danh mục cho vay và phát triển cân đối hài hòa cơ cấu ngành, thành phần kinh tế phù hợp với định hướng chung của nền kinh tế Việt Nam.



Hoạt Động Đầu Tư

1. Hoạt động góp vốn

Hoạt động góp vốn của SCB trong năm qua luôn đảm bảo an toàn, thực hiện theo đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tính đến ngày 31/12/2008, SCB đã đầu tư góp vốn vào 13 doanh nghiệp và 04 dự án với tổng số tiền là 695 tỷ đồng, chiếm 28% vốn điều lệ và các quỹ dự trữ của SCB.

1.1. Hoạt động góp vốn vào doanh nghiệp

Bên cạnh các tiêu chí lựa chọn Doanh nghiệp để góp vốn như Doanh nghiệp phải có năng lực tài chính, có thương hiệu, sản phẩm dịch vụ đạt chất lượng cao, ngành nghề có tiềm năng phát triển..., SCB thường tham gia đầu tư ngay từ giai đoạn thành lập doanh nghiệp, là thành viên Hội Đồng Quản trị nhằm đảm bảo đầu tư dài hạn và hạn chế rủi ro xảy ra ở mức thấp nhất. Giá trị góp vốn thường bằng với mệnh giá và tỷ lệ góp vốn từ 5% đến 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Thông qua hoạt động đầu tư góp vốn, SCB và các Doanh nghiệp cùng đạt được nhiều lợi ích: lợi nhuận, cổ tức, giá trị các khoản đầu tư gia tăng, mở rộng quảng bá thương hiệu; đồng thời cung ứng trọn gói các dịch vụ khác cho doanh nghiệp như tài trợ vốn, hoạt động thanh toán, chi lương qua thẻ...

Một số đối tác mà SCB đã cùng tham gia góp vốn:

- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn (Công ty CP Du lịch Sài Gòn Hạ Long, Công ty CP du lịch Sài Gòn Quy Nhơn, Công ty CP Du lịch Sài Gòn Kim Liên, Công ty CP Du lịch Sài Gòn Vĩnh Long) với tổng vốn điều lệ của các đơn vị SCB tham gia góp là 324 tỷ;
- Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (vốn điều lệ 1.358 tỷ);
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Phú Gia (vốn điều lệ 800 tỷ);
- Công ty Chứng khoán Tân Việt (vốn điều lệ 128 tỷ);
- Công ty Cổ phần Thủy Điện Huka Na (vốn điều lệ 1.800 tỷ).

1.2. Hoạt động góp vốn vào dự án

SCB quan tâm và lựa chọn những dự án có khả năng sinh lời cao, thuộc những ngành nghề đang phát triển, các dự án kinh doanh bất động sản mà khi đi vào khai thác sẽ mang lại cho SCB lợi nhuận tiềm năng.

Đối với các dự án kinh doanh bất động sản, SCB tham gia góp vốn ngay từ khâu đền bù giải phóng mặt bằng. Cách làm này đã hạn chế hầu hết các rủi ro về bong bóng thị trường bất động sản trong thời gian vừa qua, đồng thời các giao dịch khai thác sau này đều được cam kết thanh toán qua SCB. Mức vốn góp của SCB vào các dự án từ 10% đến 11% tổng vốn đầu tư của dự án.

Và thông qua hoạt động góp vốn vào dự án, SCB mở rộng cung cấp các sản phẩm dịch vụ của SCB cho chủ đầu tư, cho khách hàng mua và sử dụng các sản phẩm của dự án.



Một số dự án tiêu biểu mà SCB đã tham gia đầu tư góp vốn:

- Dự án "Khu chung cư cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại" tại số 192 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Tp HCM, được xây dựng trên 2.229,7 m² đất, tổng vốn đầu tư dự kiến 788 tỷ đồng, xây dựng căn hộ và văn phòng cho thuê.
- Dự án "Khu nhà ở cao tầng, thương mại, văn phòng Office Royal Garden" Phường Tân Hưng, Quận 7, được xây dựng trên 7.923m² đất, tổng vốn đầu tư 4.300 tỷ đồng, xây dựng căn hộ và văn phòng cho thuê.
- Dự án "Khu dân cư đồi Thánh Mẫu", Đà Lạt. Vốn đầu tư 1.200 tỷ, được xây dựng trên 100 ha đất, xây dựng khu nhà ở và công trình công cộng.
- Dự án "Khu đô thị phức hợp Đà Nẵng", Phường Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Vốn đầu tư 15.679 tỷ đồng, được xây dựng trên 70,09 ha đất, xây dựng khu phức hợp đô thị thương mại và dịch vụ.

2. Hoạt động kinh doanh chứng khoán

Nhận thức được tính rủi ro trong đầu tư chứng khoán, SCB không đặt trọng tâm vào lĩnh vực này. Hầu hết các cổ phiếu SCB nắm giữ đều được đầu tư từ mệnh giá nên không bị ảnh hưởng tác động của thị trường năm vừa qua. Đến cuối năm 2008 giá trị đầu tư chứng khoán chỉ chiếm 0,8% vốn điều lệ.



Chuyển khảo sát mô hình tài chính vi mô tại Nga của đoàn cán bộ SCB (x), Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam & tập đoàn Tài Chính Vĩ Mô Toàn Cầu (GMG)

Hoạt Động Nghiệp Vụ Ngân Hàng Quốc Tế

Trong năm qua, mạng lưới ngân hàng đại lý của SCB đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Nếu như cuối năm 2007 SCB mới có quan hệ đại lý với khoảng 300 ngân hàng thì con số này của năm 2008 là 1858 ngân hàng và các chi nhánh của họ tại 81 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Năm 2008 SCB cũng mở thêm các tài khoản Nostro tại các ngân hàng nước ngoài, nâng tổng số lên 13 tài khoản với các loại ngoại tệ thông dụng trong thanh toán quốc tế.

Doanh số hoạt động thanh toán quốc tế (TTQT) của SCB đạt 223 triệu USD, tăng 14% so với năm 2007. Trong đó doanh số thanh toán L/C xuất khẩu là 20 triệu USD, tăng 140% so với cùng kỳ năm trước, góp phần tăng thêm nguồn cung ngoại tệ cho ngân hàng, doanh số chuyển tiền đi và đến đạt 71 triệu USD, tăng 25%, doanh số thanh toán nhờ thu nhập khẩu là 9,4 triệu USD, tăng 362% và doanh số thanh toán nhờ thu xuất khẩu là 2,4 triệu USD, tăng 93% so với số liệu của năm 2007.

Thu nhập từ dịch vụ TTQT tăng gần 70% so với năm 2007, góp phần vào việc tăng tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ trong tổng thu nhập của ngân hàng.

Bên cạnh đó, chất lượng dịch vụ TTQT cũng không ngừng được nâng cao thể hiện qua tỷ lệ điện đạt chuẩn trong thanh toán trên 97%, được các ngân hàng đại lý đánh giá cao về quản trị rủi ro trong chuyển tiền thanh toán quốc tế. Đây là tiền đề để SCB phát triển hơn nữa hoạt động thanh toán mậu dịch và phi mậu dịch trong những năm tới.

Trong năm 2008, ngoài việc triển khai mô hình Trung tâm xử lý chứng từ - đưa hoạt động TTQT dì vào tập trung hóa, chuyên môn hóa và chuyên nghiệp hóa, SCB còn thực hiện chuẩn hóa các quy trình, quy chế theo hệ thống chỉ tiêu đo lường chất lượng ISO, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ TTQT, phấn đấu tháng 04 năm 2009 sẽ được cấp chứng chỉ ISO về hoạt động này. Hiện tại, ngân hàng đang triển khai hệ thống ngân hàng lõi mới (Corebanking), hứa hẹn một sự thay đổi lớn trong dịch vụ TTQT: chất lượng hơn, nhanh hơn trong năm 2009.



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2008

Hoạt Động Kinh Doanh Ngoại Hối

Tình hình tài chính thế giới biến động trong năm, bên cạnh những khó khăn lại tạo ra thuận lợi nhất định trong công tác kinh doanh ngoại hối. Và năm 2008 là năm thành công trong hoạt động kinh doanh ngoại hối của SCB.

Trước diễn biến thị trường thuận lợi, cùng với việc SCB tham gia các sàn giao dịch vàng trong nước, được phép kinh doanh vàng trên tài khoản, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường quốc tế đã giúp SCB chủ động hơn trong hoạt động kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận. SCB luôn tận dụng mọi cơ hội để đưa ra các phương án kinh doanh hợp lý tùy theo biến động giá giữa thị trường trong nước và quốc tế, cụ thể như doanh số nhập khẩu vàng của SCB 8 tháng đầu năm 2008 phục vụ cho hoạt động kinh doanh là 4.575 kg (tương đương 121.997 lượng vàng) chiếm 7,38% so với số lượng vàng nhập khẩu của cả nước tính đến thời điểm tháng 8/2008 là 62.000 kg vàng (đây cũng là số lượng vàng nhập khẩu năm 2008 của cả nước vì sau đó NHNN có chính sách hạn chế nhập khẩu vàng).

Ngoài ra, SCB còn cung cấp các dịch vụ hỗ trợ tư vấn cho khách hàng trong các lĩnh vực liên quan đến ngoại hối, thực hiện các dịch vụ ngoại hối theo nhu cầu (gồm thanh toán xuất nhập hàng hóa dịch vụ, cước vận tải, bảo hiểm, trả nợ vay ngân hàng, góp vốn liên doanh với nước ngoài, đóng hội phí cho các tổ chức quốc tế, thực hiện các thanh toán theo nhu cầu giao dịch vàng lai...), luôn đảm bảo đủ số lượng ngoại tệ thanh toán cho khách hàng với tỷ giá thích hợp, đảm bảo tính cạnh tranh theo từng thời điểm với các sản phẩm truyền thống như: mua bán ngoại tệ, vàng giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, SCB còn hoàn thiện và ban hành các quy trình quy chế nhằm giảm thiểu rủi ro và phù hợp hơn với quy mô hoạt động kinh doanh ngày càng mở rộng như: quy chế cấp hạn mức kinh doanh vàng – ngoại tệ, quy định kiểm soát rủi ro trong kinh doanh vàng – ngoại tệ và các quy trình nghiệp vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh: quy trình kinh doanh vàng, xuất nhập khẩu vàng, ngoại tệ, chuyển đổi ngoại tệ...

Với những thuận lợi như trên, kết quả kinh doanh SCB đạt được rất đáng khích lệ, doanh số kinh doanh vàng – ngoại tệ năm sau luôn tăng cao so với năm trước.



CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC 2008



Dịch Vụ Thẻ SCB link

Tham gia vào thị trường thẻ từ cuối năm 2005, chỉ sau 03 năm xây dựng, hoạt động và phát triển, Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) đã đạt được những kết quả nhất định trong việc phát triển dịch vụ thẻ.

Trong năm 2008, SCB đã xây dựng thành công hệ thống ATM Switch và đưa vào vận hành hệ thống phát hành thẻ độc lập. Đây là một bước ngoặc to lớn để SCB chủ động trong việc đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu của khách hàng và triển khai các ứng dụng mới.

Bên cạnh đó, SCB còn là 1 trong 4 ngân hàng đầu tiên của liên minh Smartlink kết nối thành công vào hệ thống Banknetvn, nâng tổng số ngân hàng liên minh mà thẻ SCB có thể giao dịch lên đến 24 ngân hàng với hơn 5.600 máy ATM phủ khắp toàn quốc. Mạng lưới ATM của SCB cũng trải rộng ở hầu hết các địa bàn trọng điểm trong cả nước. Máy ATM của SCB có thể chấp nhận thẻ của SCB, thẻ của liên minh Smartlink, Banknetvn và thẻ quốc tế Visa, Mastercard, Diners Club, JCB, American Express...

Đồng thời, trong năm qua SCB đã triển khai thành công dịch vụ thanh toán thẻ POS trong toàn hệ thống và các đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Điều này một mặt giúp cho khách hàng của SCB thuận tiện trong việc thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ tại các đơn vị chấp nhận thanh toán thẻ, mặt khác SCB cũng đa dạng hóa các kênh thanh toán và các tiện ích cung cấp cho khách hàng.

Dịch Vụ E - Banking

Năm 2008 cũng đánh dấu sự phát triển của SCB trong việc cung ứng dịch vụ ngân hàng điện tử. Chỉ cần một máy tính nối mạng, điện thoại cố định hoặc di động, khách hàng có thể tra cứu thông tin tài khoản, cập nhật đầy đủ các thông tin ngân hàng hoặc thực hiện các giao dịch thanh toán, chuyển khoản ở bất cứ nơi nào vào bất cứ thời gian nào mà không cần trực tiếp đến ngân hàng. Hơn nữa, SCB cũng là ngân hàng đầu tiên tại Việt nam triển khai chức năng mở và tất toán tài khoản tiền gửi có kỳ hạn, cũng như chuyển tiền từ tài khoản thanh toán sang tài khoản tiết kiệm tích lũy trên Internet Banking. Với thiết bị bảo mật do SCB cung cấp, khách hàng có thể an tâm sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của SCB.

Với phương châm "SCB luôn hướng đến sự hoàn thiện vì khách hàng", trong năm 2009, SCB sẽ không ngừng phát triển các tiện ích dịch vụ thẻ và eBanking, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm đem lại cho khách hàng sự lựa chọn tốt nhất và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.



Trung tâm dữ liệu tại SCB

Công Nghệ Thông Tin

Trong năm 2008, công cuộc hiện đại hóa hệ thống Công nghệ thông tin ngân hàng SCB đã có những thành tựu nhất định. Hiện tại, tất cả các điểm giao dịch trên toàn quốc đã được kết nối về Hội sở trên hệ thống mạng thuê riêng tốc độ cao. Bên cạnh hệ thống Ngân hàng lõi hiện đại Temenos T24 đang được gấp rút chuẩn bị đưa vào hoạt động thay thế cho hệ thống Smartbank, hệ thống thông tin nội bộ cũng có những tiến bộ đáng kể. Tới nay, ngân hàng đã xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống Hội nghị truyền hình (Video conference) phục vụ công tác họp giao ban trực tuyến tại tất cả các Chi nhánh trong toàn ngân hàng. Năm 2008 cũng đánh dấu một mốc quan trọng trong việc hiện đại hóa Công nghệ thông tin của SCB với việc xây dựng thành công hệ thống Trung tâm Dữ liệu và Trung tâm Dữ liệu Dự phòng đạt tiêu chuẩn quốc tế do đối tác IBM thực hiện. Đây là một trong những Trung tâm dữ liệu hiện đại nhất Việt Nam do chính công ty IBM thiết kế và xây dựng. Tất cả những thành tựu này chỉ là bước đầu chuẩn bị sẵn sàng để SCB chinh phục những thành công sắp tới.



Cơ cấu tổ chức:

Trong chiến lược phát triển Ngân hàng, SCB đã mạnh dạn từng bước tái cơ cấu tổ chức một cách toàn diện từ Hội Sở tới các đơn vị trực thuộc sao cho phù hợp với qui mô hoạt động thực tế của Ngân hàng theo từng thời điểm và theo mô hình hoạt động của một Ngân hàng hiện đại do Công ty đào tạo nghiệp vụ ngân

hang BTC - thuộc Công ty tài chính Quốc tế IFC - tư vấn.

Tính đến 31/12/2008, tổng số cán bộ nhân viên của SCB là 1.320 người, tăng 23,5% so với năm 2007, trong đó: trên đại học: 2,24%, Đại học: 66,43%, Cao đẳng, Trung cấp: 13,72% .

Tổ Chức Nhân Sự



Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:

SCB xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo nguyên tắc "Tìm đúng người, giao đúng việc"; thu hút nguồn nhân lực trẻ từ các trường Đại học chuyên ngành; mạnh dạn để bạt các cán bộ trẻ có năng lực, có trình độ trong kinh doanh.

Để thu hút và giữ được người lao động, SCB luôn minh bạch, nhất quán trong chính sách nhân sự; công bằng trong việc đánh giá năng lực và luôn tạo cơ hội cho cán bộ nhân viên thăng tiến trong nghề nghiệp. Trong năm qua SCB đã tạo được một sân chơi chung trong công tác để bạt, bổ nhiệm cán bộ. Cụ thể SCB đã tổ chức 03 đợt thi chức danh lãnh đạo nội bộ và đã bổ nhiệm được 58 vị trí và quy hoạch được 29 vị trí lãnh đạo qua các cuộc thi này.

Các chính sách đối với người lao động:

SCB chi trả tiền lương theo năng suất lao động, theo chất lượng, hiệu quả công việc và xây dựng quy định chi trả tiền lương trên cơ sở đảm bảo cuộc sống để người lao động an tâm công hiến cho Ngân hàng nên tiền lương của người lao động tại SCB năm sau luôn cao hơn năm trước. Ngoài các chế độ bảo hiểm theo quy định như Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm Xã hội, SCB còn mua thêm các loại bảo hiểm khác cho người lao động như bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm nhân thọ và tiết kiệm tích lũy. Tổ chức cho người lao động đi thăm quan, nghỉ mát hàng năm hoặc chi tiền để người lao động tự tổ chức theo nhóm.

Chế độ khen thưởng:

Công tác của khen thưởng tại SCB luôn kịp thời và gắn liền với kết quả kinh doanh, kết quả hoàn thành công việc của người lao động. Ngoài chế độ tiền lương, tiền thưởng trong các dịp Tết dương lịch, Tết âm lịch, 30/4, 01/05, Quốc Khánh 2/9, ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày thành lập Quân đội NDVN 22/12, ngày thương binh liệt sỹ 27/07... SCB còn chúc mừng ngày sinh nhật, ngày hôn nhân của người lao động, chi thăm hỏi người lao động bị ốm đau bệnh tật hoặc chi thăm viếng người thân quá cố của người lao động.



Công Tác Đào Tạo

Luôn đặt công tác đào tạo lên hàng đầu, chọn đó là một trong những định hướng chiến lược phát triển của SCB, hoạt động đào tạo tại SCB trung thành với mục tiêu: nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, trình độ quản lý để chủ động nguồn nhân lực, chuẩn bị lực lượng kế thừa cho Ngân hàng.

Sớm hơn kế hoạch dự kiến, Trung tâm Đào tạo SCB được đưa vào hoạt động từ tháng 04/2008, trước mắt đáp ứng các nhu cầu đào tạo, huấn luyện của các đơn vị và CBNV trong hệ thống, từng bước ổn định và chuyên nghiệp hóa hoạt động đào tạo. Cụ thể:

- 42 chuyên đề/57 lớp với 2.533 lượt học viên là CBNV nghiệp vụ các đơn vị trong toàn hàng; giảng viên đảm trách là cán bộ quản lý, chuyên viên của SCB.
- 102 lượt lãnh đạo, CBNV thuộc các khối, phòng, ban - SCB tham dự 36 khóa học, hội thảo chuyên ngành do các đơn vị đào tạo bên ngoài tổ chức tại TP.HCM.

Năm 2009, SCB tiếp tục phát huy vai trò chủ đạo trong công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực tại SCB. Bám sát mục tiêu chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế thừa, công tác đào tạo năm 2009 sẽ đẩy mạnh hoạt động đào tạo nâng cao, chuyên sâu.

Quản Lý Rủi Ro

Quản trị rủi ro tại SCB được thực hiện một cách có hệ thống và toàn diện thông qua việc hình thành Khối Quản trị Rủi ro từ tháng 4/2007, gồm ba bộ phận độc lập là Quản lý Rủi ro Tín dụng, Quản lý Rủi ro Thị trường và Quản lý Rủi ro Vận hành. Đồng thời, SCB cũng thành lập 4 bộ phận Kiểm soát khu vực tại khu vực TP.HCM, khu vực phía Bắc, khu vực miền Trung và khu vực miền Tây nhằm tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, là công cụ hữu hiệu của bộ máy Quản lý Rủi ro cho Ngân hàng.

Quản lý Rủi ro Tín dụng

Chính sách Quản lý Rủi ro Tín dụng

SCB đã hoàn thiện hệ thống quy trình quy chế liên quan đến hoạt động tín dụng, nhằm tối thiểu hóa rủi ro có thể xảy ra. Việc thẩm định, xét duyệt cho vay và giải ngân các hồ sơ tín dụng được thực hiện bởi các bộ phận độc lập nhau, đảm bảo cho sự tuân thủ và minh bạch trong quá trình tác nghiệp tín dụng.

Công cụ Quản lý Rủi ro Tín dụng

SCB hoàn thành về cơ bản các quy trình, quy định liên quan đến công tác quản trị rủi ro tín dụng.

- Thực hiện tái thẩm định các hồ sơ vượt mức phán quyết của chi nhánh.
- Xây dựng hệ thống chấm điểm tín dụng nội bộ và danh mục cho vay tại SCB.
- Đã hoàn thành hệ thống chấm điểm xếp loại khách hàng doanh nghiệp từ tháng 4/2008. Hiện nay SCB đang hợp tác cùng Công ty kiểm toán quốc tế Ernst & Young để hoàn thiện hệ thống này.

Quản lý Rủi ro Thị trường

Trong bối cảnh nhiều biến động về thị trường tài chính trong năm, công tác dự báo những biến động về lãi suất, tỷ giá, cũng như tính toán và đánh giá tác động của chúng lên thu nhập và chi phí của SCB được nâng lên hàng đầu và thực hiện một cách sát sao; tham gia chặt chẽ vào quá trình hoạch định lãi suất huy động và cho vay của ngân hàng, đưa ra đánh giá đối với các sản phẩm huy động/cho vay mới từ phương diện rủi ro lãi suất, tỷ giá, góp phần vào việc tạo nên kết quả tăng trưởng an toàn và bền vững cho ngân hàng.

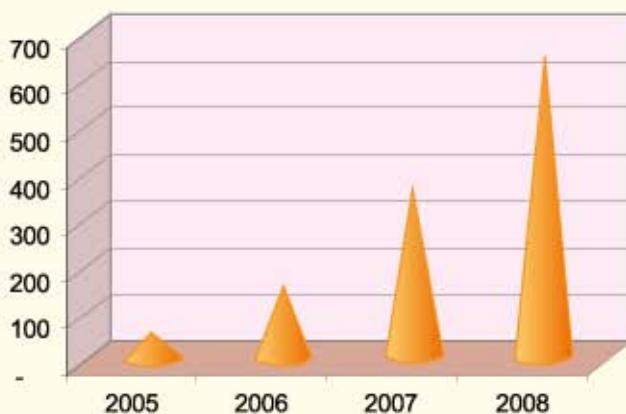
Quản lý Rủi ro Vận hành

SCB đặc biệt quan tâm đến những rủi ro tiềm ẩn trong quá trình vận hành, nhất là trong hoạt động phát triển mạng lưới, phát triển sản phẩm mới, quá trình hiện đại hóa công nghệ, cũng như trong quá trình tác nghiệp hàng ngày trên toàn hệ thống. Năm 2008 là năm SCB dành nhiều thời gian và công sức cho việc hoàn chỉnh và hệ thống hóa toàn bộ quy trình quy chế nội bộ, tạo điều kiện cho việc phòng ngừa rủi ro vận hành; đồng thời thống kê và cung cấp những cảnh báo cần thiết về rủi ro vận hành cho toàn hệ thống.

Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh

BIỂU ĐỒ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA SCB QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: tỷ đồng



Mặc dù những biến động bất lợi của nền kinh tế trong năm 2008 đã hạn chế phần nào thành tích tăng trưởng của SCB, song điều kiện khắc nghiệt lại càng khẳng định quyết tâm và bản lĩnh vững vàng của một

Ngân hàng trẻ. Giữa bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu, SCB vẫn đạt được những thành quả rất đáng ghi nhận. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2008 đạt 646 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 80% so với năm 2007.

Các chỉ số tài chính đều được đảm bảo cao hơn mức bình quân ngành, đạt yêu cầu về chất lượng, an toàn và hiệu quả trong hoạt động. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt 22,75%. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA) là 1,49%. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA) là 2,06%

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Giới Thiệu Tổng Quát Về Công Ty CP Đầu Tư Sài Gòn Phú Gia

1. Hình Thành & Phát Triển

Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Phú Gia được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4103005231, ngày 01/09/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 02/01/2009.

Trải qua hơn 02 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Phú Gia cũng như các doanh nghiệp khác khi mới ra đời đều gặp phải những khó khăn về kinh nghiệm, vốn, nhân lực, công nghệ quản lý, áp lực cạnh tranh khốc liệt từ thị trường, tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao và kịp thời của Hội đồng quản trị, cùng với sự nỗ lực phấn đấu và nhiệt tình của Ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ nhân viên, Công ty CP Đầu tư Sài Gòn Phú Gia vẫn đứng vững và ngày một phát triển đi lên.

2. Thông Tin Pháp Lý

- Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN PHÚ GIA
- Tên giao dịch quốc tế	: SAIGON PHU GIA INVESTMENT CORPORATION
- Tên viết tắt	: SAIGON INVEST CORP.
- Địa chỉ trụ sở chính	: 102 Trần Hưng Đạo, P.Phạm Ngũ Lão, Q1, Tp.HCM
- Điện thoại	: 08 38389284 - 08 38389285 - 08 38389286
- Fax	: 08 8389287
- Website	: www.saigonphugia.com
- E.mail	: sgpg@saigonphugia.com

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Đầu tư xây dựng công trình dân dụng, cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch;
- Dịch vụ nhà đất; Dịch vụ bán đấu giá tài sản; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Quảng cáo thương mại; Môi giới thương mại;
- Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng (không tổ chức cho khách truy cập Internet);
- Quản lý dự án đầu tư; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình kỹ thuật, giao thông, cầu cảng, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới đất – dưới nước, xây lắp đường dây tải điện đến 35KV;
- Xây dựng, kinh doanh công trình thủy điện-thủy lợi; Sửa chữa nhà và trang trí nội thất - ngoại thất;
- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất - ngoại thất;
- Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản, Tư vấn, đấu giá bất động sản;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Kinh doanh bến xe, bến xe (không hoạt động tại trụ sở).

Vốn điều lệ : 800.000.000.000 đồng (bằng chữ:Tám trăm tỷ đồng)

- Tổng số cổ phần : 800.000 cổ phần

- Mệnh giá cổ phần : 1.000.000 đồng/cổ phần.

Các cổ đông chính góp vốn vào Công ty

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB)
- Công ty CPĐT Địa ốc ôtô Phương Trang
- Ông Lưu Thái Dũng
- Ông Thân Ngọc Minh

3. Các Dự Án Tiêu Biểu Đang Triển Khai

Dự án khu phức hợp Tháp nhà xe, khu thương mại - Dịch vụ, văn phòng, khách sạn

- **Tên dự án:** Khu phức hợp Tháp để xe, Khu thương mại - dịch vụ, Văn phòng, Khách sạn

- **Địa điểm xây dựng:** Góc đường Nguyễn Hữu Thọ và Nguyễn Thị Thập, P. Tân Hưng, Q. 7, TP. HCM

- **Tên chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Phú Gia

- **Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:** Xây dựng Tháp để xe, Khu Kinh doanh Thương mại và dịch vụ; Xây dựng Cao ốc Văn phòng và Cao ốc Khách sạn.

- Diện tích đất : 55.502 m²

- Mật độ xây dựng : 33,30%

- Hệ số sử dụng đất : 6,46

- Tầng cao dự kiến : 40 tầng

- Tổng diện tích sàn xây dựng : 296.688 m² (Không kể tầng hầm)

- **Tổng mức đầu tư dự án :** 4.800 tỷ đồng



Phối cảnh DA Quận 7 (Rạch Bàng)

Dự án Trung tâm Thương mại- Dịch vụ, cao ốc văn phòng và căn hộ cao cấp Sài Gòn Phú Gia

- **Tên dự án:** Trung tâm Thương mại -dịch vụ, cao ốc văn phòng và căn hộ cao cấp Sài Gòn Phú Gia

- **Địa điểm xây dựng:** Góc đường Lê Duẩn và Nguyễn Tư, phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định



Phối cảnh tổng thể DA Bình Định

- **Tên chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Phú Gia

- **Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:** Xây dựng Trung tâm Thương Mại - Dịch Vụ, cao ốc văn phòng và căn hộ cao cấp.

- Diện tích đất : 10.748m²

- Mật độ xây dựng : 65,30%.

- Hệ số sử dụng đất : 8,26

- Tầng cao dự kiến : 21 – 24 tầng

- Tổng diện tích sàn xây dựng (không kể tầng hầm và sân vườn): 88.813m²

- **Tổng mức đầu tư dự án :** 1.043 tỷ đồng

Dự án khu đô thị Cửa Cạn, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

- **Tên dự án:** Dự án khu đô thị Cửa Cạn

- **Địa điểm xây dựng:** Dự án khu đô thị Cửa Cạn, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

- **Tên chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Phú Gia

- Diện tích đất : 95 Ha

Quy hoạch Dự án
khu đô thị Cửa Cạn



CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN



Chứng Khoán Tân Việt (TVSI)

Tầng 5, Tòa nhà HIPT, 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
Tel: 84-4-3728 0921 - Fax: 84-4-3728 0920 - Website: www.tysi.com.vn - Email: contact@tysi.com.vn

Công ty cổ phần chứng khoán Tân Việt (TVSI) được thành lập năm 2006 trong giai đoạn bùng nổ của Thị trường chứng khoán Việt Nam. TVSI là một công ty chứng khoán có khả năng cung cấp tất cả các loại hình dịch vụ từ môi giới, tự doanh, bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư và tư vấn tài chính doanh nghiệp cùng với các dịch vụ khác.

TVSI tự hào có một đội ngũ quản lý chuyên nghiệp cao cấp, tốt nghiệp từ những trường đại học danh tiếng trên thế giới, được hỗ trợ bởi một đội ngũ nhân viên trẻ, năng động, có kinh nghiệm và trình độ. TVSI cam kết cung cấp dịch vụ có chất lượng tốt nhất và thỏa mãn nhu cầu khách hàng ở mức độ cao nhất.

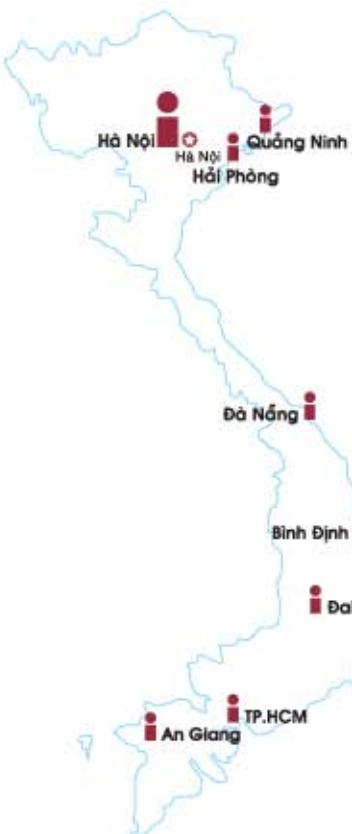
Tầm nhìn: Trở thành nhà môi giới trực tuyến hàng đầu và cung cấp dịch vụ đầu tư - tư vấn tài chính uy tín nhất tại Việt Nam.

Đối tác chiến lược:



Đội ngũ lãnh đạo:





Những sự kiện nổi bật trong 2 năm hoạt động

- Có mặt tại 12 thành phố với tổng cộng 16 chi nhánh và đại lý giao dịch
- Tăng vốn điều lệ: 128 tỷ đồng, tương đương 8 triệu Đô la Mỹ
- Là công ty chứng khoán đầu tiên cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến bằng tiếng Anh và tiếng Việt
- Đứng thứ 15 trong tổng số 95 công ty trên thị trường
- Dịch vụ chăm sóc khách hàng 16 giờ / ngày - 7 ngày / tuần - 365 ngày / năm bao gồm cả online và offline
- Số lượng tài khoản khách hàng tăng gấp 2 lần chỉ sau 1 năm hoạt động lên tới gần 12.000 tài khoản



Là công ty chứng khoán có tốc độ tăng trưởng và phát triển công nghệ nhanh nhất tại Việt Nam

Các nghiệp vụ chính:

Môi giới chứng khoán

Lưu ký chứng khoán

Tự doanh

Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán

Bảo lãnh phát hành

Tư vấn cổ phần hóa

Sản phẩm TVSI:



Quản lý tài chính tại nhà

- Giảm thiểu tối đa thời gian nhận lệnh
- Nhà tư vấn thân thiện
- Quản lý tài chính tại nhà với giao diện thân thiện
- Chuyển tiền và Ứng tiền trực tuyến



Sức mạnh thời gian

- Sức mạnh thời gian
- Ngân hàng thông tin
- Chuyên gia phân tích chuyên sâu
- Công nghệ nổi trội



Giao dịch trực tiếp tại website

- Dễ sử dụng, hướng dẫn bằng tiếng Anh và tiếng Việt
- Tư vấn trực tiếp và chủ động về thời gian đặt lệnh
- Theo dõi và kiểm soát các danh mục chứng khoán



Dịch vụ tìm kiếm, tra cứu thông tin thị trường

- Cung cấp thông tin thị trường cho nhà đầu tư
- Cơ sở dữ liệu phân tích, nhận định xu hướng thị trường
- Công cụ tìm kiếm thông tin theo từng doanh nghiệp



Giao dịch qua điện thoại di động

- Phần mềm hỗ trợ đặt lệnh mua bán chứng khoán
- Tra cứu số dư tiền, chứng khoán
- Không cần kết nối GPRS, EDGE...
- Thông tin cá nhân được bảo mật



Dịch vụ tra cứu thông tin bằng tin nhắn

- Không cần cài đặt phần mềm
- Chi phí rẻ
- Sử dụng mọi lúc mọi nơi
- Tra cứu thông tin giao dịch hay thông tin cổ phiếu

Các dự án đầu tư



XƯỞNG SẢN XUẤT DÂY CÁP ĐIỆN CỦA
CÔNG TY TNHH TÂN CƯỜNG THÀNH
Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng



DÂY CHUYỀN ĐÚC PHÔI THÉP LIÊN TỤC
CỦA CÔNG TY TNHH AN HƯNG TƯỞNG
Ấp 3, xã Tân Định, huyện Bến Cát,
tỉnh Bình Dương.



DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT BỘT MÌ CỦA
CÔNG TY TNHH THÁI NGUYÊN 1
Xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, Đồng Nai



NHÀ MÁY SX TINH BỘT BIỂN ĐỔI CỦA
CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC BÌNH DƯƠNG
(BIDOFOOD)
Ấp Chánh Hưng, xã Hiếu Liên,
huyện Tân Uyên



XƯỞNG SX ĐỒ CHƠI GỖ XUẤT KHẨU
CỦA CÔNG TY CP SXTM NAM HOA
79/4A, P. Hiệp Thành, Q.12



DỰ ÁN NHÀ MÁY TRỨNG SẠCH CỦA
CÔNG TY TNHH BA HUÂN
22 Nguyễn Đình Chí, P.9, Q.6, TP.HCM



XƯỞNG CHẾ BIẾN
THỦY SẢN XUẤT KHẨU CỦA
CÔNG TY TNHH NÔNG HẢI SẢN
- XD - TM VIỄN THẮNG
Số 8 Tầng Văn Trần F.5, Q.11, TP. HCM



DỰ ÁN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ
SÀI GÒN (SAIGONTECH) CỦA
QUẢN TRỊ TÀI NGUYÊN TRI THỨC
Toà nhà Quang Trung, Lô 14, đường số 5,
công viên phần mềm Quang Trung, Q.12





- 1** Đạt danh hiệu Dịch vụ Ngân hàng bán lẻ được hài lòng nhất năm 2008 do Báo Sài Gòn Tiếp thị trao tặng
Tháng 02/2008
- 2** Đạt cúp vàng Thương hiệu mạnh VN 2008 (năm thứ 3 liên tiếp) do Thời báo Kinh Tế Việt Nam trao tặng
Tháng 03/08
- 3** Đạt giải thưởng Sao Vàng Đất Việt
do Ủy ban Trung Ương Hội các nhà Doanh nghiệp trẻ VN
Tháng 09/2008

NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2008

- 4** Đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua Ngành" vì đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng từ năm 2005 đến 2007 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trao tặng.
Tháng 07/2008
- 5** Ký kết hợp tác toàn diện với Ngân hàng Xuất nhập khẩu VN - Eximbank
Tháng 07/2008
- 6** Tự hào là một trong top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500) lần 2 về lợi nhuận, tổng tài sản, số lao động.
Tháng 12/2008



Hoạt Động Cộng Đồng

"Nỗ lực trong hoạt động kinh doanh không chỉ để tìm kiếm lợi nhuận cao nhất, mà còn tạo điều kiện để SCB chăm lo tốt hơn đến cộng đồng xã hội" là phương châm luôn được duy trì tại SCB trong suốt các năm qua.

Kinh phí hoạt động xã hội từ thiện của SCB ngày càng tăng theo quy mô hoạt động, đến nay là hơn 37 tỷ đồng. Nguồn này là từ quỹ phúc lợi hàng năm của SCB, CBNV SCB đóng góp 04 ngày lương kinh doanh/năm và đặc biệt là sự gắn kết, đóng góp từ các khách hàng thân thiết có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng xã hội.

Sau đây là một số hoạt động cộng đồng nổi bật của SCB trong năm 2008:

1. Các hoạt động đào tạo học thuật:

Đóng góp Quỹ chăm lo Tết cho thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn "Ước mơ mùa xuân 2008" do Báo giáo dục thực hiện. (Tháng 01/2008)

Üng hộ Quỹ khuyến học Việt Nam thông qua chương trình "Đi bộ đồng hành vì trẻ em Việt Nam" do Hội khuyến học TPHCM thực hiện. (Tháng 04/2008)

Tài trợ 200 suất học bổng cho các em người dân tộc đang sinh sống và học tập tại miền Nam thông qua Quỹ học bổng Vũ A Dính. (Tháng 06/2008)

Trao 4.300 suất học bổng và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất cho các trường trên 19 tỉnh thành SCB có mặt hoạt động trên toàn quốc thông qua chương trình "SCB tiếp sức đến trường". (Tháng 09/2008)

Üng hộ các hoạt động, tổ chức các sân chơi, tài trợ học bổng, tặng tài liệu học tập cho sinh viên các Trường ĐH Kinh Tế, ĐH Ngân hàng trên toàn quốc. (Trong năm 2008)

2. Các hoạt động từ thiện xã hội:

Đối với các thương binh liệt sĩ gia đình chính sách:

Thăm hỏi, tặng quà Tết các chiến sĩ Tiểu đoàn 207 - đơn vị kết nghĩa cùng SCB và các gia đình chính sách tỉnh Kiên Giang nhân dịp Tết Nguyên Đán 2008. (Tháng 01/2008)

Góp phần chăm lo cuộc sống cho các thương binh tại tỉnh Vĩnh Long thông qua chương trình "Tiếp sức thương binh" (trong năm 2007, 2008).

Phối hợp cùng Tỉnh ủy UBND, HĐND tỉnh Kiên Giang và Trung ương giáo hội Phật giáo Việt Nam thực hiện sự kiện "Trả lại tên cho anh" tại huyện đảo Phú Quốc - được đánh giá là một trong mười sự kiện quốc gia tại Việt Nam năm 2008 (lần 1 vào tháng 10 và lần 2 vào tháng 12/2008).

Đối với người nghèo, khuyết tật:

Trao tặng Nhà tình thương cho các gia đình khó khăn tại P.Thạnh Xuân, Q.12, TP.HCM. (Tháng 06/2008)

Hỗ trợ tiền và 1.000 phần quà cho các tỉnh Phú Thọ, Lào Cai, Lai Châu, Yên Bái, Thái Nguyên bị ảnh hưởng của cơn bão số 4. (Tháng 08/2008)

Tổ chức thăm hỏi và tặng quà Trung thu cho các em có hoàn cảnh khó khăn tại 24 quận huyện TPHCM. (Tháng 09/2008)

Üng hộ Quỹ và tổ chức đêm nhạc "Bóng cản cuộc đời" gây quỹ giúp đỡ các cụ già neo đơn trên toàn quốc nhân ngày Quốc tế người cao tuổi 01/10; tặng 20 sổ tiết kiệm cho các Bà mẹ Việt Nam anh hùng có hoàn cảnh khó khăn tại TPHCM. (Tháng 10/2008)

Tổ chức chương trình "ĐI BỘ ĐỒNG HÀNH" nhằm gây Quỹ thực hiện 1000 ca phẫu thuật cho trẻ em khuyết tật vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa trong cả nước. (Tháng 11/2008)

SCB tài trợ phẫu thuật 100 ca cho Trẻ em khuyết tật mâu da cam 03 huyện tại Vĩnh Long. (Tháng 11/2008)

Tặng 1.000 phần quà cho trẻ em và người nghèo nhân dịp Tết Kỷ Sửu 2009. (Tháng 12/2008)

Đóng góp vào Quỹ mổ tim của Hội cứu trợ bệnh nhân nghèo nhằm phẫu thuật tim cho trẻ em, người dân nghèo trong toàn quốc (năm 2007, 2008).

Các hoạt động khác:

Tài trợ xây dựng Trạm Y tế và 3 cây cầu tại huyện Vũng Liêm Tỉnh Vĩnh Long (Tháng 02/2008)

Tài trợ Triển lãmẢnh báo chí với chủ đề "Xuyên Việt 2007". (Tháng 05/2008)

Tài trợ Vàng "Hội nghị thượng đỉnh Phụ nữ toàn cầu" lần thứ 18. (Tháng 06/08)

Hỗ trợ tổ chức "Ngày hội tôn vinh những người làm báo 2008" nhân ngày Nhà báo Việt Nam 21/06 tại TPHCM. (Tháng 06/2008)

Toàn thể lãnh đạo và CBNV SCB đã hiến máu theo lời kêu gọi "Hiến máu cứu người" nhân kỷ niệm ngày "Thế giới tôn vinh người hiến máu" 14/06. (Tháng 07/2008)

Nâng cấp, sửa chữa khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Noong Ôn - Udon -Thani, Thái Lan. (Tháng 08/2008)

.....

Có được nét văn hoá tốt đẹp "uống nước nhớ nguồn" và "lá lành đùm lá rách" trong tập thể Ngân hàng TMCP Sài Gòn như hiện nay không phải chỉ riêng của một cá nhân nào, mà đó là sự đồng lòng, hợp tác từ Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các quý Cổ đông, các Quý khách hàng và tấm lòng của toàn thể CBNV SCB.

Với những hoạt động như thế, SCB đã vinh dự được Tổng liên đoàn lao động Việt Nam trao tặng Cúp vàng "Vì sự phát triển cộng đồng" 3 năm liên tiếp, Hội chữ thập đỏ Việt Nam tặng danh hiệu "Hoa việc thiện" và nhận Bằng khen do UBND TP.HCM khen tặng vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác tuyên truyền, vận động và tham gia ủng hộ "Vì người nghèo".





Các Báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số tham chiếu: 11397/11108

Báo Cáo Kiểm Toán Độc Lập

các báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lợi nhuận để lại, báo cáo lưu chuyển tiền tệ có liên quan và các thuyết minh đính kèm (sau đây gọi tắt là "các báo cáo tài chính") cho năm kết thúc cùng ngày như được trình bày từ trang 2 đến trang 45. Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính của Ngân hàng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính.



Young vietnam ltd

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám Đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0264/KTV

Nguyễn Phương Nga
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0763/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 01 năm 2009

Bảng cân đối kế toán

ngày 31 tháng 12 năm 2008

ĐVT: triệu đồng

	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
Tài sản			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3	130.299	196.529
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4	568.930	173.563
Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác	5	4.671.306	3.255.201
Chứng khoán kinh doanh	6	852	61.008
Chứng khoán kinh doanh		3.248	64.038
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(2.396)	(3.030)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7	1.503	-
Cho vay khách hàng		23.100.713	19.397.781
Cho vay khách hàng	8	23.278.256	19.477.605
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(177.543)	(79.824)
Chứng khoán đầu tư	10	4.181.835	886.321
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		4.178.854	882.905
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		2.981	3.416
Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	700.906	57.325
Đầu tư dài hạn khác		704.006	57.325
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(3.100)	-
Tài sản cố định	12	572.145	324.971
Tài sản cố định hữu hình	12.1	343.770	195.276
Nguyên giá tài sản cố định		381.998	213.503
Hao mòn tài sản cố định		(38.228)	(18.227)
Tài sản cố định vô hình	12.2	228.375	129.695
Nguyên giá tài sản cố định		231.542	131.400
Hao mòn tài sản cố định		(3.167)	(1.705)
Tài sản có khác	13	4.667.564	1.588.855
Các khoản phải thu	13.1	3.666.033	881.684
Các khoản lãi, phí phải thu	13.2	815.153	210.157
Tài sản có khác	13.3	186.378	497.014
Tổng tài sản		38.596.053	25.941.554

ĐVT: triệu đồng

Thuyết minh Năm 2008 Năm 2007

Nợ phải trả

Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam			58.996
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	14	7.775.638	5.323.749
Tiền gửi của khách hàng	15	22.969.094	15.970.542
Phát hành giấy tờ có giá	16	3.647.189	1.400.000
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	17	214.027	5.927
Các khoản nợ khác	18	1.180.938	551.387
Các khoản lãi, phí phải trả	18.1	978.530	427.455
Các khoản phải trả và công nợ khác	18.2	197.443	121.823
Dự phòng cho các công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	18.3	4.965	2.109
Tổng nợ phải trả		35.786.886	23.310.601

Vốn chủ sở hữu

Vốn và các quỹ			
Vốn điều lệ	20	2.180.683	1.970.000
Thặng dư vốn cổ phần	20	335.287	407.531
Cổ phiếu quỹ	20	(56.000)	-
Quỹ dự trữ	20	95.828	24.933
Lợi nhuận chưa phân phối	20	253.369	228.489
Tổng vốn chủ sở hữu		2.809.167	2.630.953
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu		38.596.053	25.941.554

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Nghị vụ nợ tiềm ẩn	34	595.224	395.515
--------------------	----	---------	---------

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Đông
Trưởng phòng Kế toán Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Trần Ngọc Minh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Phạm Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 01 năm 2009

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

ĐVT: triệu đồng

	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	4.351.582	1.702.241
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	24	(3.333.736)	(1.258.563)
Thu nhập lãi thuần		1.017.846	443.678
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		158.393	142.161
Chi phí hoạt động dịch vụ		(9.473)	(5.923)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25	148.920	136.238
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	57.306	2.499
(Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27	(35.508)	69.305
Lãi thuần từ hoạt động khác	28	34.332	36.683
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	29	4.415	558
Tổng thu nhập hoạt động		1.227.311	688.961
Chi phí hoạt động			
Chi phí tiền lương		(270.854)	(154.211)
Chi phí khấu khao và khấu trừ		(21.883)	(10.599)
Chi phí hoạt động khác	30	(173.936)	(109.937)
		(466.673)	(274.747)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		760.638	414.214
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9, 18.3	(138.984)	(75.212)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng	9, 18.3	24.769	20.022

Tổng lợi nhuận trước thuế		646.423	359.024
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19.1	(182.533)	(100.289)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	19.2	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(182.533)	(100.289)
Lợi nhuận sau thuế		463.890	258.735
Lãi cơ bản trên cổ phiếu - đồng (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)	21	2.263	2.211

Báo cáo lợi nhuận để lại

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

DVT: triệu đồng

		Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
Lợi nhuận để lại đầu năm	20		228.489	98.483
Lợi nhuận thuần trong năm			463.890	258.735
Lợi nhuận trước khi phân phối			692.379	357.218
<i>Trừ:</i>				
Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của năm trước			(80.744)	(32.110)
Tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận để lại			(138.439)	-
Chia cổ tức kỳ trước			(954)	(56.594)
Tạm ứng cổ tức kỳ này			(218.068)	(39.136)
Các khoản khác			(805)	(889)
Lợi nhuận để lại cuối năm	20		253.369	228.489

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Đông
Trưởng phòng Kế toán Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Thân Ngọc Minh
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:

Ông Phạm Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 01 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

DVT: triệu đồng

	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương đương		3.732.897	1.747.195
Chi phí lãi và các chi phí tương đương		(2.782.698)	(994.518)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		162.609	127.379
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		21.798	71.804
Thu nhập khác		31.619	12.723
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		2.569	5.303
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ		(384.321)	(311.462)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	19	(187.305)	(70.331)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ		597.168	588.093
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
(Tăng)/giảm các khoản tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		(777.197)	495.382
(Tăng)/giảm về các khoản kinh doanh chứng khoán		(174)	-
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(3.800.651)	(11.043.109)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn		(16.496)	(13.944)
Tăng khác về tài sản hoạt động		(2.473.713)	(1.131.341)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Giảm các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(58.996)	(1.725)
Tăng các khoản tiền gửi của các TCTD		2.451.889	24.668
Tăng tiền gửi của khách hàng		6.998.552	12.394.909
Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		208.100	5.927
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		2.247.189	-
Tăng công nợ khác		12.192	105.179
Chi từ các quỹ	20.1	(10.654)	(15.625)

ĐVT: triệu đồng

	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.377.209	1.408.414
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Mua sắm tài sản cố định	12	(255.028)	(172.862)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		473	40.037
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(3.942.195)	(588.189)
Tiền chi cho các công cụ tài chính phái sinh		(1.503)	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		3.955	558
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.194.298)	(720.456)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tăng vốn điều lệ		-	548.111
Tiền thu tư phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có		-	1.400.000
Tiền chi ra mua cổ phiếu quý	20	(56.000)	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	20	(219.022)	(39.338)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(275.022)	1.908.773
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		907.889	2.596.731
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	31	3.685.799	1.089.068
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	31	4.593.688	3.685.799

Các giao dịch phi tiền tệ

Tăng vốn điều lệ từ các trái phiếu chuyển đổi	-	1.085.000
Tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần	20	72.244
Tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận để lại	20	138.439
		56.461

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Đông
Trưởng phòng Kế toán Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Trần Ngọc Minh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Phạm Anh Dũng
Tổng Giám đốcThành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 01 năm 2009

Thuyết minh các báo cáo tài chính

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

1. Giới thiệu về Ngân hàng

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 00018/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp vào ngày 06 tháng 06 năm 1992 và Giấy phép thành lập công ty số 308/GP-UB do Ủy ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 26 tháng 6 năm 1992.

Hoạt động chính của Ngân hàng là cung cấp các dịch vụ ngân hàng trên toàn lãnh thổ Việt Nam bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, các dịch vụ thanh toán và dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ

Kể từ ngày thành lập, vốn điều lệ của Ngân hàng đã được tăng qua các thời kỳ như sau:

Số vốn điều lệ tăng lên/giảm xuống (triệu đồng)	Quyết định của NHNN	Ngày cấp
5.000	Giấy phép số 00018/NH-GP	Ngày 06/06/1992
10.000	Công văn số 392/CV-NH5	Ngày 01/09/1993
54.942	Công văn số 932/NHTP.2001	Ngày 28/09/2001
71.117	Công văn số 1186/NHTP.2001	Ngày 30/11/2001
116.000	Quyết định số 74/NHNN-HCM.02	Ngày 12/06/2003
92.800	Quyết định số 841/NHNN-HCM.02	Ngày 21/10/2003
150.000	Quyết định số 2271/NHNN-HCM.02	Ngày 02/03/2004
250.000	Quyết định số 1993/NHNN-HCM.02	Ngày 21/09/2005
271.788	Quyết định số 2395/NHNN-HCM.02	Ngày 15/12/2005
400.000	Quyết định số 415/NHNN-HCM.02	Ngày 04/04/2006
600.000	Quyết định số 1128/NHNN-HCM.02	Ngày 25/08/2006
1.200.000	Quyết định số 416/NHNN-HCM.02	Ngày 29/03/2007
1.970.000	Quyết định số 1710/NHNN-HCM.02	Ngày 19/11/2007
2.180.683	Quyết định số 1034/NHNN-HCM.02	Ngày 25/06/2008

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính 2008 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Lê Quang Nhường	Chủ tịch	Ngày 18 tháng 04 năm 2007
Ông Phạm Anh Dũng	Thành viên	Ngày 18 tháng 04 năm 2007
Ông Nguyễn Thế Linh	Thành viên	Ngày 18 tháng 04 năm 2007
Ông Phan Vỹ Dân	Thành viên	Ngày 18 tháng 04 năm 2007

Ban Điều hành

Các thành viên Ban Điều hành trong năm tài chính 2008 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Phạm Anh Dũng	Tổng Giám Đốc	Ngày 25 tháng 03 năm 2008
Ông Nguyễn Thế Linh	Phó Tổng Giám Đốc	Ngày 01 tháng 04 năm 2007
Ông Trương Văn Nhơn	Phó Tổng Giám Đốc	Ngày 01 tháng 04 năm 2007
Bà Vũ Thị Kim Cúc	Phó Tổng Giám Đốc	Ngày 01 tháng 04 năm 2007
Bà Hồ Thị Thanh Trúc	Phó Tổng Giám Đốc	Ngày 01 tháng 04 năm 2007
Bà Nguyễn Lê Diệu Thơ	Phó Tổng Giám Đốc	Ngày 01 tháng 04 năm 2007
Ông Trần Minh Cương	Phó Tổng Giám Đốc	Ngày 16 tháng 04 năm 2007
Ông Trương Ngọc Danh	Phó Tổng Giám Đốc	Ngày 10 tháng 12 năm 2007
Ông Diệp Bảo Châu	Phó Tổng Giám Đốc	Ngày 09 tháng 07 năm 2007
Ông Thân Ngọc Minh	Kế Toán Trưởng	Ngày 01 tháng 09 năm 2003

Trụ sở

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 193-203 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở Giao dịch, hai mươi ba (23) chi nhánh, chín (9) quỹ tiết kiệm và năm mươi bốn (54) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 1.348 người (năm 2007: 1.056 người).

2. Các chính sách kế toán chủ yếu

2.1 Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng" hay "triệu VNĐ"), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 07 năm 2006 và 479/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống Đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính và các quy định có liên quan ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Thuyết minh các báo cáo tài chính (tt)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Các báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.3 Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2.4 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số Điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo các tỷ lệ quy định của Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, trong vòng 5 năm kể từ tháng 5 năm 2005, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4, giá trị của các khoản bảo lãnh, các cam kết cho vay không huỷ ngang và các cam kết chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Chi tiết kế hoạch và việc thực hiện trích lập dự phòng chung của Ngân hàng như sau:

Năm	Tổng giá trị
2005	25,00% của tổng số 0,75%
2006	50,00% của tổng số 0,75%
2007	68,75% của tổng số 0,75%
2008	93,75% của tổng số 0,75%
2009	100% của tổng số 0,75%

Tuy nhiên, cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng đã trích lập đủ và duy trì dự phòng chung ở mức 0,75% trên tổng số dư của các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 và các cam kết ngoại bảng.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả kinh doanh và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

2.5 Đầu tư vào chứng khoán

2.5.1 Các chứng khoán kinh doanh

Các chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc. Ngoại trừ trường hợp không thể xác định giá trị thị trường một cách chắc chắn thì giá trị của chúng được tính dựa trên nguyên giá sau khi trừ đi tổn thất ước tính nếu có. Bất kỳ một khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5.2 Các chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán được giữ cho đến khi đến hạn bao gồm các chứng khoán có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể và Ngân hàng dự định nắm giữ các chứng khoán này cho tới ngày đáo hạn. Các chứng khoán này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được phản ánh theo giá trị phân bổ (chủ yếu là tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu/phụ trội). Chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (đối với chứng khoán Nợ trả lãi sau) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán Nợ trả lãi trước) và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại của chứng khoán. Lãi dự thu được tính theo phương pháp đường thẳng.

Thuyết minh các báo cáo tài chính (tt)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

2.5.3 Các chứng khoán sẵn sàng để bán

Các chứng khoán sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn ngoài các loại nêu trên. Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán luôn được hạch toán theo giá gốc, trong khi chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được hạch toán theo giá gốc tại thời điểm mua, sau đó được phản ánh theo giá trị phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu/ phụ trội theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán).

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán bị giảm giá trị khi có sự suy giảm "trọng yếu" hoặc "kéo dài" của giá trị hợp lý của tài sản thấp hơn so với nguyên giá hoặc khi có bằng chứng khách quan khác cho thấy khả năng giảm giá trị của tài sản. Việc xác định tính "trọng yếu" và "kéo dài" đòi hỏi đánh giá chủ quan và ước tính. Ngân hàng thường đánh giá sự suy giảm là trọng yếu khi mức độ suy giảm giá trị lớn hơn 20% và sự suy giảm được cho là "kéo dài" khi thời gian này lớn hơn 6 tháng. Ngoài ra, Ngân hàng cũng tính đến các nhân tố khác như sự biến động của giá cổ phiếu.

2.6 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo lãi suất trên hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay và ứng trước trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa mua và giá bán lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo lãi suất trên hợp đồng.

2.7 Tài sản cố định

Giá trị tài sản cố định được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định là toàn bộ các chi phí trực tiếp đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí liên quan đến bổ sung, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được tất toán và bất kỳ các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.8 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10 năm
Phần mềm kế toán	5 - 10 năm
Tài sản cố định khác	5 - 10 năm

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được phân bổ. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn sử dụng.

2.9 Ghi nhận doanh thu và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Ngân hàng thực hiện.

Phí và hoa hồng cũng được ghi nhận trên cơ sở dự thu, dự chi.

Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập.

2.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại Thuyết minh số 39). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang Việt Nam đồng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trong báo cáo tài chính.

Thuyết minh các báo cáo tài chính (II)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, ngoại trừ:

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bao đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

2.12 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi thanh toán với Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc, bằng hoặc dưới 3 tháng.

2.13 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

2.14 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6 hoặc Điều 7. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng tại thuyết minh số 2.4. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục chi phí dự phòng rủi ro tín dụng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán.

2.15 Công cụ tài chính phái sinh

Các công cụ phái sinh được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo giá trị hợp đồng vào ngày giao dịch và sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch dương của giá trị hợp lý của các công cụ phái sinh được ghi nhận là một khoản mục tài sản và chênh lệch âm được ghi nhận là một khoản công nợ. Lãi hoặc lỗ thực hiện hoặc lãi/lỗ do đánh giá lại theo giá trị hợp lý của các công cụ phái sinh được hạch toán vào khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối".

2.16 Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

2.17 Sử dụng các ước tính

Trong quá trình lập các báo cáo tài chính, Ban Điều hành có thực hiện các ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn trong các báo cáo tài chính. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này cần được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

2.18 Lợi ích của nhân viên

2.18.1. Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Thuyết minh các báo cáo tài chính (II)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

2.18.2. Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc.

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, các ngân hàng phải tính toán trợ cấp mất việc làm cho nhân viên bằng 3,00%/năm trên lương cơ bản của nhân viên. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 10,00% của lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ theo Thông tư 64 nên được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư 82.

Trong năm 2008, Ngân hàng đã thực hiện trích lập quỹ trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc làm tương đương 3,00% quỹ lương nộp bảo hiểm xã hội của Ngân hàng.

3. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Tiền mặt bằng VND	58.806	35.851
Tiền mặt bằng ngoại tệ	35.111	9.835
Vàng tiền tệ	36.382	150.843
	130.299	196.529

4. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	568.930	173.563
Tiền gửi phong tỏa	-	-
	568.930	173.563

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Theo quy định của NHNN, chỉ các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND và các khoản tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 9,00%/năm và 1,00%/năm.

Theo qui định của NHNN tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc được tính bằng 5,00% và 1,00% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 10,00% và 4,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng VND có kỳ hạn dưới 12 tháng và từ 12 tháng đến 24 tháng; và bằng 7,00% và 3,00% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 10,00% và 4,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ cho kỳ hạn dưới 12 tháng và từ 12 tháng đến 24 tháng. Theo đó, mức dự trữ bắt buộc (bằng VND và ngoại tệ) trung bình trong tháng 12 năm 2008 là 1.459.485 triệu đồng.

Trong năm, Ngân hàng thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.

5. Tiền, vàng gửi tại các Tổ chức Tín dụng ("TCTD") khác

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác	933.547	237.443
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác	3.737.759	3.017.758
	4.671.306	3.255.201

5.1 Tiền, vàng gửi không kỳ hạn ("KKH") tại các TCTD khác

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Tiền gửi KKH tại các TCTD trong nước bằng VND	12.670	132.283
Tiền gửi KKH tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	784.792	33.861
Tiền gửi KKH tại các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ	136.085	71.299
	933.547	237.443

5.2 Tiền, vàng gửi có kỳ hạn tại các TCTD

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Tiền gửi có kỳ hạn ("CKH") tại các TCTD có kỳ hạn dưới ba tháng		
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng VND	1.975.000	2.605.000
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	982.664	409.226
Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh số 31)	2.957.664	3.014.226
 Tiền gửi CKH tại các TCTD có kỳ hạn trên ba tháng		
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng VND	103.532	3.532
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	676.563	-
	780.095	3.532
	3.737.759	3.017.758

Thuyết minh các báo cáo tài chính (II)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD trong nước bằng VND bao gồm một khoản tiền gửi khó đòi tại Ngân hàng TMCP Nam Đô là 3.532 triệu đồng do ngân hàng này bị gặp khó khăn tài chính và tuyên bố mất khả năng thanh toán trong năm 1999. Tuy nhiên, Ngân hàng chưa trích lập dự phòng nợ khó đòi cho khoản tiền gửi này do chưa có qui định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

Mức lãi suất vào cuối năm của các khoản tiền gửi tại các TCTD khác như sau:

	Năm 2008 lãi suất/năm	Năm 2007 lãi suất/năm
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng VND	4,50% - 8,00%	7,20% - 9,20%
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	0,75% - 6,00%	5,15% - 5,35%

6. Chứng khoán kinh doanh

Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 bao gồm:

DVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Chứng khoán Vốn		
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	228	7.702
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	3.020	56.336
	3.248	64.038
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(2.396)	(3.030)
	852	61.008

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

DVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Chứng khoán Vốn		
Đã niêm yết	228	47.268
Chưa niêm yết	3.020	16.770
	3.248	64.038

Chi tiết thay đổi dự phòng chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

DVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Số dư đầu năm	3.030	-
Trích lập dự phòng trong năm	-	3.030
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(634)	-
Số dư cuối năm	2.396	3.030

7. Các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác

	<i>Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)</i>	<i>Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)</i>	
	triệu đồng	Tài sản triệu đồng	Nợ phải trả triệu đồng
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ			
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	47.137	1.503	-

8. Cho vay khách hàng

	<i>DVT: triệu đồng</i>	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	23.262.666	19.458.185	
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	9.563	13.493	
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	6.027	5.927	
	23.278.256	19.477.605	

Mức lãi suất cho vay khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
	<i>lãi suất/năm</i>	<i>lãi suất/năm</i>
Cho vay bằng VND	10,20% - 24,96%	12,00% - 15,60%
Cho vay bằng ngoại tệ	6,30% - 12,00%	3,00% - 7,60%

8.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	<i>DVT: triệu đồng</i>	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	22.986.780	19.397.439	
Nợ cần chú ý	157.721	14.308	
Nợ dưới tiêu chuẩn	67.878	12.575	
Nợ nghi ngờ	46.474	35.788	
Nợ có khả năng mất vốn	19.403	17.495	
	23.278.256	19.477.605	

8.2 Phân tích dư nợ theo thời gian gốc

Nợ ngắn hạn có thời hạn đến 1 năm, trung hạn đến 5 năm và dài hạn trên 5 năm. Chi tiết như sau:

	<i>DVT: triệu đồng</i>	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Nợ ngắn hạn	15.244.737	16.083.048	
Nợ trung hạn	5.491.642	1.909.083	
Nợ dài hạn	2.541.877	1.485.474	
	23.278.256	19.477.605	

Thuyết minh các báo cáo tài chính (II)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

8.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Năm 2008		Năm 2007	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Cho vay cá nhân	14.864.818	63,86	12.152.522	62,39
Cho vay các tổ chức kinh tế				
Công ty TNHH tư nhân	4.012.767	17,24	3.072.455	15,77
Công ty cổ phần khác	2.448.439	10,52	1.650.871	8,48
Kinh tế tập thể	1.605.932	6,90	2.101.894	10,79
Doanh nghiệp tư nhân	111.294	0,48	108.202	0,56
Công ty cổ phần nhà nước	106.260	0,46	185.783	0,95
LD nước ngoài với thành phần kinh tế tập thể	90.562	0,39	94.268	0,48
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	31.484	0,13	11.048	0,06
LD nước ngoài với thành phần kinh tế tư nhân	6.000	0,02	24.973	0,13
Công ty TNHH nhà nước	400	0,00	60.000	0,31
Doanh nghiệp nhà nước trung ương	-	-	15.589	0,08
Cho vay khác	300	0,00	-	-
	23.278.256	100	19.477.605	100

8.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	Năm 2008		Năm 2007	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	14.976.382	64,33	12.793.188	65,68
Xây dựng	2.814.177	12,09	2.231.504	11,46
Công nghiệp chế biến	1.794.424	7,71	1.464.396	7,52
Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình	794.957	3,41	737.572	3,79
Các hoạt động liên quan kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	665.136	2,86	278.701	1,43
Vận tải, kho bãi thông tin liên lạc	490.681	2,11	128.651	0,66
Thuỷ sản	354.208	1,52	404.729	2,08
Giáo dục và đào tạo	328.958	1,41	78.255	0,40
Khách sạn và nhà hàng	301.554	1,30	276.116	1,42
Hoạt động tài chính	237.520	1,02	151.007	0,78
Nông nghiệp và lâm nghiệp	218.180	0,94	504.999	2,59

Sản xuất và phân phối điện khí đốt và nước	204.158	0,88	348.846	1,79
Công nghiệp khai thác mỏ	48.368	0,21	17.709	0,09
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	48.343	0,21	60.072	0,31
Hoạt động văn hóa thể thao	648	0,00	968	0,00
Hoạt động khoa học và công nghệ	548	0,00	869	0,00
Quản lý nhà nước và an ninh quốc phòng; Đảng, đoàn thể, đảm bảo xã hội bắt buộc	14	0,00	23	0,00
	23.278.256	100	19.477.605	100

9. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Dự phòng cụ thể	15.201	6.436
Dự phòng chung	162.342	73.388
	177.543	79.824

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm 2008 bao gồm các khoản sau:

ĐVT: triệu đồng

	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
Số dư dự phòng đầu năm	6.436	73.388	79.824
Số tiền đã trích trong năm	31.507	100.800	132.307
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(9.102)	(11.846)	(20.948)
Số dư dự phòng rủi ro tại ngày 30 tháng 11	28.841	162.342	191.183
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12	(13.640)	-	(13.640)
Số dư dự phòng cuối năm	15.201	162.342	177.543

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và theo Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng nội bộ của Ngân hàng. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN: dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ và số dư bảo lãnh trên tài khoản ngoại bảng tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2008.

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2008 và dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng cần phải trích lập theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng như sau:

Thuyết minh các báo cáo tài chính (II)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Dư nợ cho vay (*)	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng số dự phòng
Nợ đủ tiêu chuẩn	21.363.321	-	160.225	160.225
Nợ cần chú ý	164.301	1.592	1.232	2.824
Nợ dưới chuẩn	74.146	3.377	556	3.933
Nợ nghi ngờ	43.770	5.031	329	5.360
Nợ có khả năng mất vốn	33.785	18.841	-	18.841
	21.679.323	28.841	162.342	191.183

(*): số dư vào ngày 30 tháng 11 năm 2008.

Ngân hàng đã trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

10. Chứng khoán đầu tư

	DVT: triệu đồng	
	Năm 2008	Năm 2007
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
<i>Chứng khoán Nợ</i>		
Chứng khoán Chính phủ	743.185	742.905
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	140.205	140.000
Chứng khoán Nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	3.295.464	-
	4.178.854	882.905
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
Trái phiếu Chính phủ	2.764	3.199
Công trái giáo dục	217	217
	2.981	3.416
	4.181.835	886.321

10.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chi tiết các khoản chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	DVT: triệu đồng			
	Năm 2008	Năm 2007		
	Mệnh giá	Giá trị hiện tại	Mệnh giá	Giá trị hiện tại
Trái phiếu Chính phủ	710.000	709.185	710.000	708.905
Trái phiếu đô thị TP.Hồ Chí Minh	34.000	34.000	34.000	34.000
Trái phiếu do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	140.000	140.000	140.000	140.000
Trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng TMCP Á Châu	205	205	-	-
Trái phiếu công ty	3.300.000	3.295.464	-	-
	4.184.205	4.178.854	884.000	882.905

- Trái phiếu Chính phủ bằng VND có thời hạn từ 2 năm đến 5 năm và có lãi suất từ 7,15%/năm đến 8,75%/năm, lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu đô thị do UBND TP. Hồ Chí Minh phát hành có thời hạn 5 năm và có lãi suất từ 9,10% đến 9,15%/năm, lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển phát hành có kỳ hạn từ 3 năm đến 10 năm và có lãi suất từ 9,36%/năm đến 9,80%/năm, lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng TMCP Á Châu có thời hạn 5 năm và có lãi suất 8%/năm, lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu công ty bao gồm các trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư An Đông và Công ty Cổ phần Vincom phát hành. Trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư An Đông phát hành có thời hạn 5 năm đáo hạn ngày 28 tháng 06 năm 2013 và có lãi suất là 21%/năm cho 3 tháng đầu tiên và sau đó là lãi suất thả nổi 3 tháng điều chỉnh một lần theo mức lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng, lãi được trả hàng năm. Trái phiếu này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và bất động sản của Công ty Cổ phần Đầu tư An Đông trị giá 2.397 tỷ đồng và một phần tài sản của Dự án. Trái phiếu Công ty Cổ phần Vincom phát hành có thời hạn 5 năm đáo hạn ngày 06 tháng 05 năm 2013 và có lãi suất là 16%/năm cho 12 tháng đầu tiên kể từ ngày mua (ngày 11 tháng 6 năm 2008) và các năm sau chịu lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm trả sau kỳ hạn 1 năm bình quân của 4 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, BIDV và VietinBank) vào ngày phát hành cộng thêm 4%/năm, lãi được trả hàng năm. Trái phiếu này không có đảm bảo. Tiền gốc của các trái phiếu này sẽ được hoàn trả một lần khi đáo hạn đúng bằng mệnh giá trái phiếu. Các trái phiếu nói trên được phát hành nhằm mục đích đầu tư phát triển các dự án bất động sản.

10.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

- Trái phiếu Chính phủ có thời hạn 5 năm và có lãi suất từ 8,5%/năm đến 8,6%/năm, lãi được trả vào ngày đáo hạn. Ngân hàng dự định giữ các trái phiếu này cho đến ngày đáo hạn.
- Công trái giáo dục của Chính phủ có thời hạn 5 năm và có lãi suất 8,2%/năm, lãi được trả vào ngày đáo hạn. Ngân hàng dự định giữ các trái phiếu này cho đến ngày đáo hạn.

11. Đầu tư, góp vốn dài hạn

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần vào các tổ chức kinh tế khác của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 như sau:

DVT: triệu đồng

	Năm 2008		Năm 2007	
	Giá gốc triệu đồng	% sở hữu	Giá gốc triệu đồng	% sở hữu
Dự án Khu nhà ở cao tầng, thương mại, văn phòng, Officetel Royal Garden (*)	400.000	9,30	-	-
Dự án Khu dân cư đồi Thánh Mẫu (*)	120.000	10,00	-	-
Dự án Khu đô thị phức hợp Đà Nẵng (*)	80.000	0,51	-	-
Quỹ Đầu tư Việt Nam	30.000	2,21	16.500	2
Công ty CP Chứng khoán Tân Việt	11.055	8,64	-	-
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Hạ Long	9.900	9,00	9.900	9
Công ty CP Thủy Điện Hủa Na	9.000	0,50	-	-

Thuyết minh các báo cáo tài chính (II)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Công ty CP Việt Thái	7.500	10,00	7.500	10
Công ty CP Chứng khoán TM CN VN	7.500	5,00	-	-
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Kim Liên	7.325	9,90	6.175	10
Công ty CP Hữu Liên Á Châu	6.250	1,32	6.250	3
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Qui Nhơn	6.250	8,33	5.000	8
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà đất				
Hạ Long	4.000	5,00	4.000	10
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn Phú Gia	2.000	0,50	2.000	10
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Vĩnh Long	1.846	2,46	-	-
Công ty Cp Thẻ Việt Nam	1.000	2,50	-	-
Công ty CP Đầu tư PCB	380	1,90	-	-
	704.006		57.325	-

(*) Trong năm 2008, Ngân hàng đã ký kết các thỏa thuận với các chủ đầu tư bao gồm các Công ty TNHH Tân Thuận Nam, Công ty TNHH Phương Trang Đà Lạt và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Ô tô Phương Trang để góp vốn đầu tư vào các dự án xây dựng các khu dân cư, căn hộ và văn phòng với tỷ lệ góp vốn từ 10% đến 11% tổng vốn đầu tư. Toàn bộ phần lợi nhuận từ việc khai thác các sản phẩm và dịch vụ của các dự án bất động sản sẽ được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ góp vốn.

12. Tài sản cố định

12.1 Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

DVT: triệu đồng

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ	TSCĐ quản lý	Tổng cộng khác
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	142.255	31.782	32.637	4.939	1.890	213.503
Mua trong năm	32.174	70.202	41.597	7.865	2.676	154.514
Đầu tư XDCB hoàn thành	14.664	-	-	-	-	14.664
Thanh lý, nhượng bán	(228)	-	(340)	-	(115)	(683)
Số dư cuối năm	188.865	101.984	73.894	12.804	4.451	381.998
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư đầu năm	6.447	7.287	4.062	82	349	18.227
Khấu hao trong năm	4.412	9.388	4.413	1.601	541	20.355
Thanh lý, nhượng bán	(65)	-	(212)	-	(77)	(354)
Số dư cuối năm	10.794	16.675	8.263	1.683	813	38.228
Giá trị còn lại của TSCĐ						
Tại ngày đầu năm	135.808	24.495	28.575	4.857	1.541	195.276
Tại ngày cuối năm	178.071	85.309	65.631	11.121	3.638	343.770

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.803	479

12.2 Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

ĐVT: triệu đồng

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng số
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	126.644	4.756	131.400
Tăng trong năm	91.907	8.235	100.142
Số dư cuối năm	218.551	12.991	231.542
Khấu hao luỹ kế			
Số dư đầu năm	-	1.705	1.705
Chi phí trong năm	14	1.448	1.462
Số dư cuối năm	14	3.153	3.167
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	126.644	3.051	129.695
Số dư cuối năm	218.537	9.838	228.375

13. Tài sản có khác

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Các khoản phải thu (Thuyết minh 13.1)	3.666.033	881.684
Các khoản lãi, phí phải thu (Thuyết minh 13.2)	815.153	210.157
Tài sản có khác (Thuyết minh 13.3)	186.378	497.014
	4.667.564	1.588.855

13.1 Các khoản phải thu

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (a)	35.762	21.634
Các khoản phải thu khác (b)	3.630.271	860.050
	3.666.033	881.684

Thuyết minh các báo cáo tài chính (II)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(a) Tài khoản này thể hiện các khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các trụ sở chi nhánh và phòng giao dịch của Ngân hàng, bao gồm:

ĐVT: triệu đồng		
	Năm 2008	Năm 2007
Công trình Trụ sở chính tại số 242 Cống Quỳnh, Quận 1, TPHCM	25.278	15.883
Công trình Chi nhánh tại Đà Nẵng, Bình Định, Đắc Lăk	8.384	20
Công trình Chi nhánh tại Bến Tre, Trà Vinh, Đồng Tháp	1.929	-
Công trình sửa chữa Phòng giao dịch tại Thốt Nốt, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	114	-
Công trình Phòng giao dịch tại Vĩnh Long	49	-
Công trình Phòng giao dịch tại số 14 Nguyễn Biểu, Hà Nội	8	-
Công trình Phòng giao dịch Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	-	2.387
Công trình Phòng giao dịch 134 Định Bộ Linh, Tiền Giang	-	2.385
Công trình cải tạo mặt tiền Chi nhánh An Giang	-	959
	35.762	21.634

(b) Các khoản phải thu khác bao gồm:

ĐVT: triệu đồng		
	Năm 2008	Năm 2007
Đặt cọc mua trái phiếu (i)	3.406.000	700.000
Tạm ứng tiền đặt cọc mua nhà và đất (ii)	172.098	82.096
Tạm ứng mua sắm tài sản cố định	28.628	15.337
Đặt cọc thuê nhà	12.497	7.784
Tạm ứng thanh toán thẻ	2.103	1.089
Tạm ứng thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Tư vấn	1.262	804
Tạm ứng đầu tư vào Hàng phim Chánh Tín	538	-
Tạm ứng đặt cọc mua cổ phiếu	-	45.650
Phải thu khác	7.145	7.290
	3.630.271	860.050

(i) Đây là các khoản tiền đặt cọc cho các hợp đồng mua bán chứng khoán với các công ty chứng khoán để mua các trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu Kho bạc Nhà nước và trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành. Các hợp đồng mua bán chứng khoán này có thời hạn là từ 3 đến 6 tháng. Số tiền đặt cọc này sẽ được hoàn trả lại đầy đủ cho Ngân hàng cộng với một khoản lãi tính trên số tiền đặt cọc theo số ngày thực tế mà các công ty chứng khoán nói trên nắm giữ số tiền đặt cọc và lãi suất từ 12%/năm đến 13,5%/năm trong trường hợp không thực hiện theo quy định của các hợp đồng mua bán chứng khoán và/hoặc thời hạn già hạn theo thỏa thuận bằng

văn bản của các bên mà các công ty chứng khoán nói trên không tìm kiếm được khách hàng bán chứng khoán theo đúng yêu cầu của Ngân hàng, hoặc số tiền lãi này sẽ được khấu trừ vào khoản tiền mua chứng khoán mà Ngân hàng sẽ chuyển cho các công ty chứng khoán nếu các giao dịch mua chứng khoán được thực hiện thành công. Ngân hàng sẽ phải trả phí môi giới là từ 0,05% đến 0,1% trên tổng giá trị môi giới chứng khoán giao dịch thành công.

(ii) Đây là các khoản tiền thanh toán mua nhà và đất để xây dựng văn phòng của các chi nhánh và phòng giao dịch của Ngân hàng.

13.2 Các khoản lãi, phí phải thu

	ĐVT: triệu đồng	
	Năm 2008	Năm 2007
Lãi tiền gửi bằng VNĐ	124.616	7.223
Lãi tiền gửi bằng ngoại tệ	11.090	891
Lãi từ chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	384.968	27.231
Lãi từ chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	910	-
Lãi cho vay bằng VNĐ	281.815	153.667
Lãi cho vay bằng ngoại tệ	9.795	5.497
Phí phải thu	1.959	15.648
	815.153	210.157

13.3 Tài sản có khác

	ĐVT: triệu đồng	
	Năm 2008	Năm 2007
Tài sản xiết nợ (a)	88.663	23.992
Tạm ứng hợp đồng ủy thác đầu tư (b)	58.000	451.190
Chi phí trả trước và chờ phân bổ (c)	33.201	15.883
Vật liệu, văn phòng phẩm	4.642	5.949
Công cụ lao động	1.872	-
	186.378	497.014

(a) Tài khoản này thể hiện các tài sản xiết nợ liên quan đến các khoản cho vay khó đòi của các năm trước. Ngân hàng chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để chuyển quyền sở hữu các tài sản này cho Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

(b) Đây là khoản tạm ứng ủy thác đầu tư cho Công ty Quản lý Quỹ Lộc Việt với mức thu nhập kỳ vọng là 12,75%/năm và thời hạn ủy thác là 3 tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, khoản ủy thác đầu tư vẫn được Công ty Quản lý Quỹ Lộc Việt giữ dưới dạng tiền và chưa giải ngân cho danh mục đầu tư nào. Ngân hàng sẽ hạch toán khoản tạm ứng này vào các danh mục đầu tư thích hợp ngay sau khi nhận được thông báo giải ngân từ Công ty Quản lý Quỹ Lộc Việt.

(c) Đây là các khoản tiền thuê nhà trả trước, các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, nâng cấp và cải tạo văn phòng, công cụ dụng cụ có giá trị lớn xuất dùng được phân bổ trong thời hạn từ 1 đến 3 năm.

Thuyết minh các báo cáo tài chính (II)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

14. Tiền vàng gửi của các Tổ chức Tín dụng ("TCTD") khác

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn của các TCTD khác	2.603	11.149
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn của các TCTD khác	7.773.035	5.312.600
	7.775.638	5.323.749

Tiền, vàng gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bao gồm:

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Tiền gửi CKH của các TCTD có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba tháng		
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng VND	2.607.750	2.757.200
Tiền gửi CKH của các TCTD có kỳ hạn trên ba tháng		
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD	4.726.400	2.555.400
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	438.885	-
	5.165.285	2.555.400
	7.773.035	5.312.600

Mức lãi suất tiền gửi cuối năm như sau:

	Năm 2008	Năm 2007
lãi suất/năm	lãi suất/năm	

Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng VND	7,80% - 20,5%	6,0% - 10,0%
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	5,10% - 7,20%	không có

15. Tiền gửi của khách hàng

15.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	984.176	947.575
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	3.675	19.311
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	25.276	48.872
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	676	4.811
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3.149.869	3.820.943
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	15.706.300	9.778.158
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	125.757	16.114
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.874.125	1.265.744
Tiền ký quỹ		
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	87.796	30.086
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	11.444	38.928
	22.969.094	15.970.542

Mức lãi suất cuối năm của các khoản tiền gửi của khách hàng như sau:

	Năm 2008 lãi suất/năm	Năm 2007 lãi suất/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	1,80% - 9,00%	2,40% - 3,60%
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	3,60%	3,00% - 3,60%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,10% - 1,60%	0,50% - 1,60%
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1,00% - 1,60%	1,60%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	5,00% - 19,40%	6,96% - 10,44%
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	4,20% - 19,40%	4,80% - 12,12%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2,10% - 6,20%	5,28%
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,20% - 6,00%	0,20% - 6,05%

15.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	ĐVT: triệu đồng	
	Năm 2008	Năm 2007
Tiền gửi của cá nhân	18.768.905	12.579.268
Tiền gửi của tổ chức kinh tế		
Doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các đối tượng khác	3.732.200	2.185.680
Doanh nghiệp quốc doanh	447.697	397.761
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	20.292	807.833
	4.200.189	3.391.274
	22.969.094	15.970.542

16. Phát hành giấy tờ có giá

	ĐVT: triệu đồng	
	Năm 2008	Năm 2007
Kỳ phiếu		
Dưới 12 tháng	2.158.896	-
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	88.293	-
	2.247.189	-
Trái phiếu		
Trái phiếu chuyển đổi	1.400.000	1.400.000
	3.647.189	1.400.000

Trong năm 2007, Ngân hàng thực hiện phát hành 1.118.833 số lượng trái phiếu chuyển đổi để tăng vốn như sau:

Ngày phát hành	Loại tiền	Kỳ hạn	Lãi suất	Số dư tại 31/12/2008 triệu đồng
31/12/2007	VND	13 tháng	8,50%/13 tháng	1.400.000

Toàn bộ vốn và lãi của một trái phiếu với bất kỳ mệnh giá nào sẽ được chuyển đổi thành một cổ phiếu mệnh giá là 10.000 đồng nếu các trái chủ tuân thủ các điều kiện qui định tại Qui chế phát hành và lưu hành trái phiếu chuyển đổi năm 2007 của Ngân hàng.

Thuyết minh các báo cáo tài chính (II)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu phát hành năm 2007 thành cổ phiếu là ngày 31 tháng 01 năm 2009. Ngân hàng đã trình thủ tục xin tăng vốn điều lệ từ 2.180 tỷ đồng lên 3.299 tỷ đồng bằng các trái phiếu chuyển đổi này và đang chờ sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

17. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

DVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Vốn vay từ Dự án Tài chính Nông thôn - Giai đoạn II	6.027	5.927
Vốn nhận ủy thác từ Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	208.000	-
	214.027	5.927

Chi tiết nguồn vốn vay từ Dự án Tài chính Nông thôn - Giai đoạn II:

	Kỳ hạn (tháng)	2008 triệu đồng	Lãi suất (%/năm)
Vốn vay từ Dự án Tài chính Nông thôn	48	1.200	12,36
	60	4.827	8,28
		6.027	

Chi tiết nguồn vốn nhận ủy thác từ Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam:

	Kỳ hạn (tháng)	2008 triệu đồng	Lãi suất (%/năm)
Vốn nhận ủy thác từ Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	13	110.000	16,00
	13	70.000	10,80
	13	28.000	8,00
		208.000	

18. Các khoản nợ khác

DVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Các khoản lãi, phí phải trả (Thuyết minh 18.1)	978.530	427.455
Các khoản phải trả và công nợ khác (Thuyết minh 18.2)	197.443	121.823
Dự phòng cho các công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng (Thuyết minh 18.3)	4.965	2.109
	1.180.938	551.387

18.1 Các khoản lãi, phí phải trả

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Lãi phải trả tiền gửi bằng VNĐ	226.007	209.571
Lãi phải trả tiền gửi ngoại tệ	10.454	11
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng VNĐ	519.087	200.586
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm ngoại tệ	34.620	17.233
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá bằng VNĐ	184.188	-
Lãi phải trả cho vay ủy thác đầu tư cho vay	4.137	10
Lãi phải trả cho tiền vay bằng VNĐ	-	44
Phí giao dịch ngoại hối	37	-
	978.530	427.455

18.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Phải trả nhân viên (a)	109.641	52.525
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả (Thuyết minh 19)	37.916	42.688
Chuyển tiền phải trả	17.229	3.257
Phải trả nhà cung cấp (b)	16.946	6.512
Thuế khác phải trả (Thuyết minh 19)	9.408	4.329
Khoản tiền nhận được và đang chờ xử lý của Toà án (c)	3.161	3.161
Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc	1.524	833
Cổ tức phải trả	202	94
Ký quỹ phải trả	-	7.336
Phải trả khác	1.416	1.088
	197.443	121.823

(a) Khoản này thể hiện các khoản tiền lương kinh doanh phải trả nhân viên của Ngân hàng vào cuối năm.

(b) Đây là khoản tiền phải trả cho các nhà cung cấp để mua tài sản và dịch vụ, trong đó bao gồm một khoản phải trả cho Công ty IBM là 7.149 triệu đồng cho hợp đồng thiết lập Trung tâm dữ liệu dự phòng tại Củ Chi.

(c) Đây là khoản tiền nhận được từ năm 2007 từ Đội Thi hành án PC15 liên quan đến khoản đền bù các khoản thiệt hại do một nhân viên của Ngân hàng gây ra trong các năm trước. Tuy nhiên, các thủ tục pháp lý liên quan đến vụ án này chưa hoàn tất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008. Khoản tiền này sẽ được xử lý và tất toán theo quyết định của cơ quan pháp luật.

Thuyết minh các báo cáo tài chính (II)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

18.3 Dự phòng cho các công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng

Thay đổi dự phòng chung cho các công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng trong năm 2008 như sau:

DVT: triệu đồng

Số dư dự phòng đầu năm	2.109
Trích dự phòng trong năm	6.676
Hoàn nhập trong năm	(3.820)
Số dư dự phòng cuối năm	4.965

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và theo Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng nội bộ của Ngân hàng. Theo Quyết định 493, dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ và số dư bảo lãnh trên tài khoản ngoại bảng tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2008, Ngân hàng đã trích lập và duy trì đầy đủ dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng (0,75% trên tổng số dư của các cam kết ngoại bảng) theo qui định của NHNN.

19. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

	Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2008	DVT: triệu đồng		Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2008
		Phát sinh trong kỳ	Số phải nộp	
Thuế GTGT	1.056	16.634	17.654	36
Thuế GTGT dịch vụ	976	10.247	11.843	(620)
Thuế GTGT kinh doanh vàng, ngoại tệ	80	6.387	5.811	656
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.688	182.533	187.305	37.916
Thuế thu nhập cá nhân	3.273	19.588	13.489	9.372
	47.017	218.755	218.448	47.324

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 28% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

	ĐVT: triệu đồng	Năm 2008	Năm 2007
Tổng lợi nhuận trước thuế	646.423	359.024	
<i>Trừ</i>			
Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(3.955)	(558)	
Chênh lệch tạm thời	-	(290)	
Thu nhập chịu thuế TNDN	642.468	358.176	
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 28%	179.891	100.289	
Chênh lệch thuế TNDN năm 2007 so với Quyết toán thuế	2.642	-	
Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm	182.533	100.289	
Thuế TNDN phải trả đầu năm	42.688	12.730	
Thuế TNDN đã trả trong năm	(187.305)	(70.331)	
Thuế TNDN phải trả cuối năm	37.916	42.688	

19.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận trong năm do không có khoản mục chênh lệch tạm thời nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ trên các báo cáo tài chính.

20. Vốn và quỹ của tổ chức tín dụng

20.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng trong năm 2008 được thể hiện trong bảng dưới đây:

	ĐVT: triệu đồng						
	Vốn điều lệ cổ phần	Thặng dư vốn phiếu quý	Cổ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự trữ phòng khẩn tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm	1,970.000	407.531	-	8.127	15.396	1.410	228.489
Tăng trong năm							2.630.953
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	138.439	-	-	-	-	(138.439)	-
Tăng vốn từ thặng dư vốn	72.244	(72.244)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	463.890	463.890
Trích các quỹ cho năm trước	-	-	-	13.015	24.729	43.000	(80.744)
Giảm trong năm							-
Sử dụng trong năm	-	-	-	-	-	(9.849)	(9.849)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(219.022)	(219.022)
Mua lại cổ phiếu do Ngân hàng đã phát hành trước đây	-	(56.000)	-	-	-	-	(56.000)
Các khoản giảm khác	-	-	-	-	-	(805)	(805)
Số dư cuối năm	2.180.683	335.287	(56.000)	21.142	40.125	34.561	253.369
							2.809.167

Trong năm 2008, vốn điều lệ của Ngân hàng đã được tăng lên từ 1.970 tỷ đồng lên 2.181 tỷ đồng từ việc chia cổ tức của năm 2007 và thặng dư vốn cổ phần tuân theo Quyết định số 1034/NHNN-HCM.02 do NHNN cấp ngày 25 tháng 06 năm 2008.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng đã trình thủ tục xin tăng vốn điều lệ từ 2.181 tỷ đồng lên 3.299 tỷ đồng bằng các trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 16) và chưa nhận được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại ngày lập các báo cáo tài chính này.

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Năm 2008 1 đơn vị	Năm 2007 1 đơn vị
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	218.068.300	1.970.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	218.068.300	1.970.000
Cổ phiếu phổ thông	218.068.300	1.970.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.800.000	-
Cổ phiếu phổ thông	2.800.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	215.268.300	1.970.000
Cổ phiếu phổ thông	215.268.300	1.970.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng)	10.000	1.000.000

Theo Quyết định số 897/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 16 tháng 4 năm 2008, Ngân hàng đã thực hiện điều chỉnh giảm mệnh giá của cổ phiếu từ 1.000.000 đồng xuống còn 10.000 đồng. Theo đó, một cổ phiếu cũ sẽ nhận được 100 cổ phiếu mới.

Trong năm 2008, Ngân hàng đã sử dụng nguồn thặng dư vốn cổ phần để mua lại 2.800.000 số lượng cổ phiếu đã phát hành để làm cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 582/NQ/SCB-HQĐQT.08 của Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 11 năm 2008.

20.2 Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Trong năm 2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2005. Theo Nghị định 146, các ngân hàng thương mại cổ phần phải trích lập quỹ dự trữ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau:

	Số tiền trích lập	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi đã trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ	25% vốn điều lệ
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3 tháng lương nếu tỷ suất lợi nhuận năm nay không thấp hơn lợi nhuận của năm trước và 2 tháng lương nếu tỷ suất lợi nhuận năm nay thấp hơn lợi nhuận của năm trước	Không quy định

Ngân hàng chưa trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế cho năm 2008. Việc trích lập các quỹ sẽ được thực hiện trong năm 2009 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng. Việc sử dụng các quỹ dự trữ này tuân theo Nghị định 146.

Thuyết minh các báo cáo tài chính (tt)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Năm 2008	Năm 2007
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng (triệu đồng)	463.890	258.735
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (triệu cổ phiếu)	205	117
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	<u>2.263</u>	<u>2.211</u>

Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng dùng để tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu là lợi nhuận sau thuế chưa loại trừ số tiền sẽ được dùng để trích lập các quỹ dự trữ theo qui định và theo chính sách của Ngân hàng như được trình bày trong Thuyết minh số 20.2.

Số liệu trình bày lại của năm 2007 là do ảnh hưởng hồi tố từ việc chia tách cổ phiếu của Ngân hàng trong năm 2008.

22. Cổ tức

Vào ngày 4 tháng 12 năm 2008, Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2008 với tỷ lệ 12% trên vốn điều lệ. Trong năm, Ngân hàng đã tạm ứng cổ tức đợt một cho năm 2008 bằng tiền với tỷ lệ 10% là 218.068 triệu đồng.

Sau khi kết thúc năm tài chính 2008, Ngân hàng sẽ tiến hành chi trả cổ tức còn lại của năm 2008 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 2%.

23. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	3.523.142	1.549.998
Thu nhập lãi tiền gửi	308.777	103.415
Thu lãi từ chứng khoán nợ kinh doanh	488.877	48.828
Thu khác từ hoạt động tín dụng	30.786	-
	<u>4.351.582</u>	<u>1.702.241</u>

24. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Trả lãi tiền gửi	3.053.099	1.125.591
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	206.058	72.000
Trả lãi tiền vay	54.705	2.705
Chi phí hoạt động tín dụng khác	19.874	58.267
	<u>3.333.736</u>	<u>1.258.563</u>

25. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

DVT: triệu đồng

Năm 2008 Năm 2007

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Thu phí dịch vụ tín dụng	138.366	133.239
Dịch vụ thanh toán	7.553	4.154
Nghiệp vụ bảo lãnh	5.591	1.591
Dịch vụ tư vấn	4.701	1.590
Dịch vụ ngân quỹ	1.770	632
Nghiệp vụ ủy thác và đại lý	384	900
Bảo quản tài sản	22	55
Nghiệp vụ chiết khấu	6	-
	158.393	142.161
Chi phí hoạt động dịch vụ	(9.473)	(5.923)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	148.920	136.238

26. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

DVT: triệu đồng

Năm 2008 Năm 2007

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	27.977	2.517
Thu từ kinh doanh vàng	449.814	8.030
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	114.335	3.496
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(412.420)	(5.563)
Chi về kinh doanh vàng	(33.302)	(5.975)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(89.098)	(6)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	57.306	2.499

27. (Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán kinh doanh

DVT: triệu đồng

Năm 2008 Năm 2007

Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	15.349	69.818
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(50.857)	(513)
(35.508)	69.305	

Thuyết minh các báo cáo tài chính (tt)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

28. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh khác

ĐVT: triệu đồng

Năm 2008 Năm 2007

Thu nhập khác

Thu lãi ủy thác đầu tư	41.889	-
Thu hồi từ các khoản cho vay khó đòi đã xóa trước đây	2.569	5.565
Thu tiền cho thuê nhà xưởng	457	2.461
Thu khác từ dịch vụ tăng thêm	266	-
Thu nhập từ bán tài sản gán nợ	-	7.437
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	144	16.162
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán	(634)	-
Thu nhập khác	3.634	5.945
	48.325	37.570

Chi phí khác

Chi từ bán tài sản gán nợ (*)	(11.809)	-
Thoái thu phí dịch vụ tăng thêm	(1.856)	(887)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	(328)	-
	(13.993)	(887)
	34.332	36.683

(*): Đây là khoản chi phí liên quan đến việc hủy hợp đồng bán tài sản gán nợ cho Công ty Cổ phần Sài Gòn Phú Gia đã hạch toán ở trong năm 2007.

29. Thu nhập từ vốn góp vốn mua cổ phần

ĐVT: triệu đồng

Năm 2008 Năm 2007

Cổ tức nhận được trong kỳ từ góp vốn, mua cổ phần:

- Chứng khoán Vốn kinh doanh	2.887	-
- Góp vốn, đầu tư dài hạn	1.068	558
Cổ phiếu thường	460	-
	4.415	558

30. Chi phí hoạt động

ĐVT: triệu đồng

Năm 2008 Năm 2007

Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp tân, khách tiết	43.734	31.513
Chi phí thuê văn phòng	43.726	19.234
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	18.212	6.226
Chi phí công cụ lao động và dụng cụ	14.829	6.582
Chi phí vật liệu giấy tờ in	10.774	6.387
Chi phí thuế khác và phí	7.142	811
Chi công tác phí	3.343	4.461
Chi phí dự phòng rủi ro tài sản có khác và chứng khoán kinh doanh	3.100	3.030
Chi phí thông tin liên lạc	2.201	1.317
Chi phí bảo hiểm tài sản của Ngân hàng	1.548	1.118
Chi phí sửa chữa và nâng cấp tài sản	1.254	1.702
Chi phí đào tạo	688	3.245
Chi phí khác	23.385	24.311
	173.936	109.937

31. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán sau đây:

DVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Tiền mặt bằng VND	58.806	35.851
Tiền mặt bằng ngoại tệ	35.111	9.835
Vàng tiền tệ	36.382	150.843
Tiền gửi thanh toán tại NHNN	568.930	173.563
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác	933.547	237.443
Tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba tháng	2.957.664	3.014.226
Chứng khoán kinh doanh	3.248	64.038
	4.593.688	3.685.799

32. Tình hình thu nhập của cán bộ công nhân viên

	Thực tế phát sinh năm 2008	Thực tế phát sinh năm 2007
I. Số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	1.227	832
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương đã chi	250.806	142.147
2. Tiền ăn trưa	6.364	4.334
3. Tổng thu nhập (1+2)	257.170	146.481
4. Tiền lương bình quân tháng	17	14
5. Thu nhập bình quân tháng	17	15

33. Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng

DVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Bất động sản	23.448.277	24.792.347
Động sản	3.485.434	529.721
Chứng từ có giá	1.097.387	845.147
Tài sản đảm bảo khác	18.378.071	7.991.886
	46.409.169	34.159.101

Thuyết minh các báo cáo tài chính (tt)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

34. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết vào ngày 31 tháng 12 như sau:

ĐVT: triệu đồng

Năm 2008 Năm 2007

Thư tín dụng

Thư tín dụng trả ngay	89.576	97.293
Thư tín dụng trả chậm	340.767	223.168
	430.343	320.461
Các khoản bảo lãnh khác	216.828	142.441
	647.171	462.902
Trừ: giá trị ký quỹ bảo lãnh	(51.947)	(67.387)
Công nợ tiềm ẩn	595.224	395.515

35. Giao dịch với các bên liên quan

Chi tiết nợ và cho vay các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

ĐVT: triệu đồng

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu	Phải trả
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Vĩnh Long	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền gửi	-	1.931
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Kim Liên	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền gửi	-	4.306
Công ty CP đầu tư Sài Gòn - Phú Gia	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền gửi Tiền vay	46.528	2.561
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Hạ Long	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền gửi	-	12.066
Công ty CP Việt Thái	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền gửi	107.904	15.814
Công ty CP chứng khoán Tân Việt	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền gửi	-	140.765
Công ty TNHH Đầu tư Việt Vĩnh Phú	Cổ đông	Tiền gửi	-	2.118
Công ty TNHH Phương Trang Đà Lạt	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền vay Tiền gửi	82.185 - 1.174	-
Công ty CP ĐT Ô tô Phương Trang Đà Nẵng	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền vay Tiền gửi	166.370 - 101	-

Thuyết minh các báo cáo tài chính (tt)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Chi tiết giao dịch lớn với các bên liên quan trong năm như sau:

ĐVT: triệu đồng

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2008	Năm 2007
Cty CP DL Sài Gòn - Hạ Long	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền gửi	1.148	2.198
Cty CP DL Sài Gòn - Kim Liên	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền gửi	1.046	2.079
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Nhà đất HL	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền gửi	230	5.164
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Phú Gia	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền gửi Tiền vay	489 22.900	27.475 79.817
Công ty CP Chứng khoán Tân Việt	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Góp vốn Tiền gửi	582 6.976	11.637 3.008.006
Công ty TNHH Đầu tư Việt Vĩnh Phú	Cổ đông	Góp vốn Tiền gửi	620.378 127.376	381.193 2.404.803
Quỹ Đầu tư Việt Nam	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Góp vốn	7.500	-
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Vĩnh Long	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền gửi	1.931	-
Công ty CP Việt Thái	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền gửi Tiền vay	2.500 22.000	- -
Công ty CP Chứng khoán TM CN VN	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền gửi	60.000	-
Dự án "Tân Thuận Nam"	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Góp vốn Tiền gửi	400.000 350.000	- -
Dự án "Khu dân cư đồi Thánh Mẫu"	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Góp vốn Tiền gửi Tiền vay	120.000 120.000 7.000	- - -
Dự án "Khu đô thị phức hợp Đà Nẵng"	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Góp vốn Tiền gửi Tiền vay	80.000 220.000 21.000	- - -
Lâm Thị Hòa	Cổ đông	Góp vốn Chuyển nhượng vốn Tiền gửi	- - -	56.584 45.000 274.822
Hoàng Thị Hải Yến	Cổ đông	Góp vốn Chuyển nhượng vốn Tiền gửi	- - -	61.938 51.938 790.240

36. Rủi ro thị trường
36.1 Rủi ro lãi suất

ĐVT: triệu đồng

Tài sản	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 1 đến 6 tháng	Từ 1 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	5 năm	Tổng cộng
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	130.299	-	-	-	-	-	-	130.299
Tiền gửi tại NHNN	-	-	568.930	-	-	-	-	-	568.930
Tiền gửi tại các TCTD khác	3.532	-	3.794.746	788.143	84.885	-	-	-	4.671.306
Chứng khoán kinh doanh	-	-	3.248	-	-	-	-	-	3.248
Cho vay khách hàng	291.475	-	888.495	1.510.785	11.835.138	6.347.479	2.404.885	-	23.278.256
Chứng khoán đầu tư	-	-	-	-	-	-	4.181.835	-	4.181.835
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	704.006	-	-	-	-	-	-	704.006
Tài sản cố định	-	613.540	-	-	-	-	-	-	613.540
Tài sản có khác	-	1.257.596	-	3.968	3.406.000	-	-	-	4.667.564
Tổng tài sản (1)	295.007	2.705.441	5.255.419	2.302.896	15.326.023	6.347.479	6.586.720	-	38.818.984
Nợ phải trả									
Tiền gửi của các TCTD khác	-	-	2.048.938	4.493.500	1.233.200	-	-	-	7.775.638
Tiền gửi của khách hàng	-	-	8.814.539	7.214.953	2.114.479	4.812.525	8.245	4.354	22.969.094
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.492.894	72.978	2.081.017	300	-	-	3.647.189
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	214.027	-	214.027
Các khoản nợ khác	-	1.176.970	-	3.968	-	-	-	-	1.180.938
Tổng nợ phải trả (2)	-	1.176.970	12.356.371	11.785.399	5.428.696	4.812.825	222.272	4.354	35.786.886
Mức chênh nhạy cảm	-	2,30	0,43	0,20	2,82	1,32	30	-	1,08
với lãi suất nội bảng (1)/(2)									
Ghi chú: tổng tài sản thể hiện giá trị gộp và chưa loại trừ phần dự phòng rủi ro tín dụng và giảm giá chứng khoán.									

36.2 Rủi ro tiền tệ

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Giá trị vàng tiền được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	ĐVT: triệu đồng
Tài sản					Tổng cộng
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	1.096	31.775	36.382	2.240	71.493
Tiền gửi tại NHNN	-	103.085	-	-	103.085
Tiền gửi tại các TCTD khác	45.982	1.340.322	1.183.255	10.545	2.580.104
Cho vay khách hàng	14.727	398.583	331.756	-	745.066
Tổng cộng	61.805	1.873.765	1.551.393	12.785	3.499.748
<hr/>					
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu					
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	84.885	354.000	-	438.885
Tiền gửi của khách hàng	96.525	1.725.955	1.191.417	23.379	3.037.276
Tổng cộng	96.525	1.810.840	1.545.417	23.379	3.476.161
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(34.720)	62.925	5.976	(10.594)	23.587

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Trong năm vừa qua, tỷ giá giữa VND và đô la Mỹ có dao động trong biên độ rộng (có thời điểm lên tới 9%). Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VND, một phần bằng đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng lại bằng các đồng tiền khác ngoài VND và đô la Mỹ. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiết lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

36.3 Rủi ro thanh khoản

ĐVT: triệu đồng

	Quá hạn			Trong hạn			Trên 3 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Tùy	Tùy	Tùy	Tùy
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Tùy	Tùy	Tùy						
Tài sản												
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	-	-	130.299	-	-	-	-	-	-	130.299	
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	568.930	-	-	-	-	-	-	568.930	
Tiền gửi tại các TCTD khác	3.532	-	-	3.794.746	788.143	84.885	-	-	-	-	4.671.306	
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	3.248	-	-	-	-	-	-	3.248	
Cho vay khách hàng	54.590	236.885	-	888.495	1.510.785	11.835.138	6.347.479	2.404.884	-	-	23.278.256	
Chứng khoán đầu tư	-	-	-	-	-	-	4.181.835	-	-	-	4.181.835	
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	704.006	-	-	-	704.006	
Tài sản cố định	1.803	-	-	-	-	-	8.151	603.548	-	-	613.540	
Tài sản khác	-	-	-	815.153	61.968	3.406.000	384.443	-	-	-	4.667.564	
Tổng tài sản	59.925	236.885	6.200.871	2.360.934	15.326.023	11.625.914	3.008.432	38.818.984				
Nợ phải trả												
Tiền gửi của các TCTD khác	-	-	-	2.048.938	4.493.500	1.233.200	-	-	-	-	7.775.638	
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	8.814.538	7.214.953	6.927.004	8.245	4.354	-	-	22.969.094	
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	214.027	-	-	-	214.027	
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	1.492.894	72.978	2.081.317	-	-	-	-	3.647.189	
Các khoản nợ khác	-	-	-	1.105.400	58.830	7.058	9.650	-	-	-	1.180.938	
Tổng nợ phải trả	-	-	13.461.770	11.840.261	10.248.579	231.922	4.354	35.786.886				
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	59.925	236.885	(7.260.899)	(9.479.327)	5.077.444	11.393.992	3.004.078	3.032.098				

Ghi chú: tổng tài sản thể hiện giá trị gộp và chưa loại trừ phần dự phòng rủi ro tín dụng và giảm giá chứng khoán.

Thuyết minh các báo cáo tài chính (II)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng.
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn.
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn một năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.
- Thời gian đến hạn của các khoản dự thu lãi và dự chi lãi được giả định là sẽ đáo hạn trong vòng một tháng.

37. Cam kết vốn và thuê hoạt động

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2007
Các cam kết vốn xây dựng văn phòng làm việc và mua sắm thiết bị	89.886	21.051
Các cam kết góp vốn đầu tư mua cổ phần	2.299.966	4.272
Các cam kết thuê hoạt động không thể hủy ngang	22.914	64.968
Trong đó:		
đến hạn trong 1 năm	3.474	174
đến hạn từ 2 đến 5 năm	19.440	58.734
đến hạn sau 5 năm	-	6.060

38. Các sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính ngoại trừ sự kiện vào ngày 31 tháng 1 năm 2009 ngân hàng sẽ tăng vốn điều lệ từ 2.181 tỷ đồng lên 3.299 tỷ đồng bằng các trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 16).

39. Tỷ giá một số loại ngoại tệ so với VND vào thời điểm cuối năm

Ngoại tệ	Năm 2008	Năm 2007	ĐVT: đồng
USD	16.977	16.114	
EUR	24.453	23.536	
GBP	25.036	31.903	
CHF	16.354	14.190	
JPY	191	142	
SGD	12.031	11.046	
CAD	14.211	16.287	
AUD	11.893	14.039	
HKD	1.982	-	
THB	351	-	

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Đông
Trưởng phòng Kế toán Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Thân Ngọc Minh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 01 năm 2009

Mạng Lưới Hoạt Động SCB



TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

SCB Hội Sở - Sở giao dịch: ĐT: (08) 3920 6501
191-203 Trần Hưng Đạo, P. Cồ Giang, Q.1.
SCB Nhà Rồng: ĐT: (08) 3821 6820
155 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1.
SCB Tân Định: ĐT: (08) 3820 7853
348 Hai Bà Trưng, P. Tân Định Q.1.
SCB Quận 2: ĐT: (08) 3287 2202
3A5 Trần Não, P. Bình An, Q. 2.
SCB Võ Văn Tần: ĐT: (08) 3818 1966
432 Võ Văn Tần, P.5, Q.3.
SCB 20/10: ĐT: (08) 3941 4372
221 Khánh Hội, P. 3, Q.4.
SCB An Đông: ĐT: (08) 3835 7564
95A Nguyễn Duy Dương, P.9, Q.5.
SCB An Đông Plaza: ĐT: (08) 3293 5708
Lầu 2 TTTM Plaza, 18 An Dương Vương, Q.5.
SCB Chợ Lớn: ĐT: (08) 3855 2051
276 Hải Thượng Lãn Ông, P.14, Q.5.
SCB Hòa Bình: ĐT: (08) 3924 4342
63 Bùi Hữu Nghĩa, P.5, Q.5.
SCB Hậu Giang: ĐT: (08) 3969 4431
164B Hậu Giang, P.6, Q.6.
SCB Quận 7: ĐT: (08) 3771 1948
251 Nguyễn Thị Thập, P. Tân Phú, Quận 7.
SCB Phú Mỹ Hưng: ĐT: (08) 3412 2680
1411 Khu phố Mỹ Toàn II, Phú Mỹ Hưng, D.Nguyễn Văn Linh, Q. 7.
SCB Phú Mỹ: ĐT: (08) 3773 3770
679-681 Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Thuận, Q. 7.
SCB Quận 8: ĐT: (08) 3951 5705
344 Tùng Thiện Vương, P.13, Quận 8.
SCB Tô Hiến Thành: ĐT: (08) 3868 1185
190 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10.
SCB Quận 11: ĐT: (08) 3962 5117
1172C Đường 3/2, P.12, Quận 11.
SCB Lạc Long Quân: ĐT: (08) 3975 2191
417-419 Lạc Long Quân, P.5, Q.11.
SCB Tân Bình: ĐT: (08) 3810 8986
341 Cộng Hòa, P. 13, Q. Tân Bình.

SCB Phạm Văn Hai: ĐT: (08) 3991 9351
91 A8 Phạm Văn Hai, P.3, Q. Tân Bình.
SCB Trường Chinh: ĐT: (08) 3812 2483
328 Trường Chinh, P.13, Q. Tân Bình.
SCB Lý Thường Kiệt: ĐT: (08) 3971 7806
85 Lý Thường Kiệt, P. 7, Q. Tân Bình.
SCB Cách Mạng Tháng 8: ĐT: (08) 3977 0418
757 Cách Mạng Tháng 8, P.6, Q. Tân Bình.
SCB Gia Định: ĐT: (08) 3845 5770
101 Hoàng Văn Thủ, P.8, Q. Phú Nhuận.
SCB Lê Văn Sỹ: ĐT: (08) 3991 0798
185 Lê Văn Sỹ, P.14, Q. Phú Nhuận.
SCB Điện Biên Phủ: ĐT: (08) 3512 7494
355 Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh.
SCB Bà Chiểu: ĐT: (08) 3551 0886
49C Phan Đăng Lưu, P. 3, Q. Bình Thạnh.
SCB Gò Vấp: ĐT: (08) 3989 7346
3D-3Đ Đường Quang Trung, P.10, Q. Gò Vấp.
SCB Nguyễn Thái Sơn: ĐT: (08) 3588 6989
240 Nguyễn Thái Sơn, P. 4, Q. Gò Vấp.
SCB Lê Quang Định: ĐT: (08) 3551 2956
94 Lê Quang Định, P. 14, Q. Bình Thạnh.
SCB Thanh Đa: ĐT: (08) 3511 9618
632 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh.
SCB Tân Tạo: ĐT: (08) 3407 2584
24 Đường số 1, Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân.
SCB Thủ Đức: ĐT: (08) 3720 5156
707 Kha Vạn Cân, P. Linh Tây, Q. Thủ Đức.
SCB Hóc Môn: ĐT: (08) 3710 6425
4/22 Ấp Nam Thới, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn.
SCB Củ Chi (Chi nhánh): ĐT: (08) 3792 5286
294 Tỉnh lộ 8, KP.4, TT.Củ Chi, H.Củ Chi.
SCB Củ Chi (Phòng giao dịch): ĐT: (08) 3892 1234
721 Quốc Lộ 22, Thị trấn Củ Chi.
SCB An Sương: ĐT: (08) 3256 1145
301 Trường Chinh, P. Tân Thới Nhất, Q. 12.

TẠI KHU VỰC MIỀN BẮC

SCB Hà Nội:	ĐT: (04) 3943 8732
4 Hồ Xuân Hương, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, HN.	
SCB Thanh Nhàn:	ĐT: (046) 3368 046
465 Phố Kim Ngưu, Tô 52, P.Vĩnh Tuy, Q.Hai Bà Trưng, HN.	
SCB Đống Đa:	ĐT: (04) 3851 3347
136 Nguyễn Lương Bằng, P. Nam Đồng, Q. Đống Đa, HN.	
SCB Hoàn Kiếm:	ĐT: (04) 3923 2918
83 Hàng Gà, P. Hàng Bồ, Q. Hoàn Kiếm, HN.	
SCB Ba Đình:	ĐT: (04) 3734 5578
14 Nguyễn Biểu, P. Quán Thánh, Q. Ba Đình, HN.	
SCB Láng Hạ:	ĐT: (04) 3514 0971
9 Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội.	
SCB Thanh Xuân:	ĐT: (04) 3557 5225
70-72 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, HN.	
SCB Cầu Giấy:	ĐT: (04) 3767 5570
233 Cầu Giấy, Q.Cầu Giấy, HN.	
SCB Trần Hưng Đạo:	ĐT: (04) 3933 5340
26C Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, HN.	

SCB Hải Phòng:	ĐT: (031) 356 9516
97 Điện Biên Phủ, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng.	
SCB Lạch Tray:	ĐT: (031) 3613 156
310 Lạch Tray, P. Kênh Dương, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng.	
SCB Trần Nguyên Hãn:	ĐT: (031) 3786 202
266N Trần Nguyên Hãn, P. Niệm Nghĩa, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng.	
SCB Đông Bắc	ĐT: (0313) 625 555
76 - 78 Phố Trung Hành, P. Đằng Lâm, Q. Hải An, TP.Hải Phòng.	
SCB Quảng Ninh:	ĐT: (033) 3518 111
20 Trần Hưng Đạo, P. Trần Hưng Đạo, TP.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.	
SCB Hạ Long:	ĐT: (033) 3518 851
Tổ 36 khu 2B, P.Bạch Đằng, TP.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.	
SCB Uông Bí:	ĐT: (033) 3566 058
439 tổ 37 khu 2, P.Quang Trung, TX Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh.	

TẠI KHU VỰC MIỀN TRUNG

SCB Nghệ An:	ĐT: (038) 3588 500
25 Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An.	
SCB Nguyễn ST Sách	ĐT: (038) 3567 768
02 Nguyễn ST Sách, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An	
SCB Đà Nẵng:	ĐT: (0511) 356 5544
256 Trần Phú, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng.	
SCB Lê Duẩn:	ĐT: (0511) 375 2888
247 Lê Duẩn, P.Tân Chính, Q.Thanh Khê, Đà Nẵng.	
SCB Hàm Nghi	ĐT: (0511) 3586888
37 Hàm Nghi, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng.	
SCB Phan Đăng Lưu	ĐT: (0511) 3644666
142 Phan Đăng Lưu, P. Hòa Cường Bắc, Q.Hải Châu, Đà Nẵng.	

SCB Bình Định:	ĐT: (056) 3817 491
85 Mai Xuân Thuỷ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	
SCB 20/10:	ĐT: (056) 3818 558
252 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	
SCB An Nhơn:	ĐT: (056) 3635 883
23 Quang Trung, TT.An Nhơn, Huyện An Nhơn, Tỉnh Bình Định.	
SCB Gia Lai:	ĐT: (059) 3817 500
97 Đinh Tiên Hoàng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai.	
SCB Buôn Ma Thuột:	ĐT: (0500) 3843 026
83 Phan Bội Châu, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh ĐăkLăk.	
SCB Khánh Hòa:	ĐT: (058) 3563 405
78 Lý Thánh Tôn, P.Phương Sài, TP.Nha Trang, T.Khánh Hòa.	

TẠI KHU VỰC ĐBSCL

SCB Tân An:	ĐT: (072) 3525 599
60 Nguyễn Trung Trực, P.2, TX Tân An, tỉnh Long An.	
SCB Bến Lức:	ĐT: (072) 3655 818
14 Nguyễn Hữu Thọ, TT Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.	
SCB Cai Lậy:	ĐT: (073) 3919 777
1/2C Đường 30/4, TT Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang.	
SCB Tiền Giang:	ĐT: (073) 3976 288
134-136 Định Bộ Lĩnh, P.2, TP.Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.	
SCB Gò Công	ĐT: (073) 3514566
17 Đ Trường Định, TX Gò Công, Tỉnh Tiền Giang.	
SCB Bến Tre:	ĐT: (075) 3560 111
30C Khu phố 6, Đại lộ Đống Khởi, P.Phú Khương, TX Bến Tre, Tỉnh BT.	
SCB Vĩnh Long:	ĐT: (070) 3852 781
11-11A-B-C Phạm Thái Bường, TX Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.	
SCB Trà Vinh:	ĐT: (074) 3753 599
47 Điện Biên Phủ, TX Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	

SCB Sa Đéc:	ĐT: (067) 3772 838
7B1 Lạc Long quân, TX Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp.	
SCB Đồng Tháp:	ĐT: (067) 3876 878
60-62 Đức Bình Kiều, P.2, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.	
SCB An Giang:	ĐT: (076) 3945 235
4+5 KT Hà Hoàng Hổ, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.	
SCB Châu Đốc:	ĐT: (076) 3550 101
2-3 Quang Trung, TX Châu Đốc, Tỉnh An Giang.	
SCB Mỹ Phước:	ĐT: (076) 3940 637
100/5N Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.	
SCB Cần Thơ:	ĐT: (0710) 3781 490
209C Đường 30/4, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.	
SCB Ninh Kiều:	ĐT: (0710) 3733 753
34 Lý Tự Trọng, P.An Cư, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.	
SCB Kiên Giang:	ĐT: (0773) 3929 001
468 Nguyễn Trung Trực, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.	

TẠI KHU VỰC MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

SCB Đồng Nai:	ĐT: (061) 3943 625
111 Cách mạng tháng 8, P.Hòa Bình, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	
SCB Bình Dương:	ĐT: (0650) 3872 601
464 Đại lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành. TX. TDM, BD.	
SCB Bến Cát:	ĐT: (0650) 3567 274
Lô NP33, khu tái định cư Mỹ Phước 2, TT Mỹ Phước, huyện Bến Cát, BD.	

SCB Vũng Tàu:	ĐT: (064) 3533 737
43-45 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.3, TP. Vũng Tàu	
SCB Tân Thành:	ĐT: (064) 3923 507
Quốc lộ 51, Ấp Quảng Phú, TT. Phú Mỹ, H. Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	
SCB Thủ Đức:	ĐT: (064) 3593 893
128 đường 30/4, phường Thủ Đức, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.	
SCB Bình Thuận:	ĐT: (062) 3722 400
487 Trần Hưng Đạo, P. Lạc Đạo, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.	

Danh Sách Ngân Hàng Đại Lý

Algeria

BNP Paribas EL Djazair
HSBC Algeria

Argentina

American Express Bank Ltd.
BNP Paribas - Succursale De Buenos Aires
HSBC Bank Argentina SA

Australia

Bank of America, N.A.
BNP Paribas Australia
Citibank N.A.
Commonwealth Bank of Australia
JP Morgan Chase Bank, N.A.
KEB Australia Limited
Mizuho Corporate Bank, Ltd.
Sumitomo Mitsui Banking Corporation

Austria

Commerzbank AG, Private Banking
Deutsche Bank Aktiengesellschaft Filiale Wien
Raiffeisen Zentralbank Oesterreich AG

Bahrain

Bahrein - Manama Offshore Banking Unit(OBU)
BBK
BNP Paribas Manama, Full Commercial Branch
Korea Exchange Bank
Woori Bank

Bangladesh

Woori Bank

Belgium

Bank of America, N.A.
Bank of New York
BNP Paribas S.A. Belgium
Commerzbank Intl S.A.
Deutsche Bank A.G.
Dexia Bank SA
Fortis Bank S.A./N.V. Brussels
Mizuho Corporate Bank Nederland N.V.
Sumitomo Mitsui Banking Corporation

Bosnia And Herzegovina

RaiFFEISEN Bank D.D.

Brazil

American Express Bank
Banco BNP Paribas Brasil S/A
Banco KEB Do Brasil S.A.
Deutsche Bank S.A. - Banco Alemão
Unibanco-uniona De Bancos Brasileiros S/A

Bulgaria

BNP Paribas S.A.
United Bulgarian Bank
Unicredit Bulbank AD

Cambodia

Foreign Trade Bank of Cambodia

Canada

Bank of America
Bank of Nova Scotia
BNP Paribas Canada, Montreal
Korea Exchange Bank

Cayman Islands

Commerzbank AG
Unibanco S.A. Grand

Chile

JP Morgan Chase Bank, N.A.

China

Banca Di Roma
Bank of America, N.A.
Bank of New York
Bank of Nova Scotia
BNP Paribas
Commerzbank AG
HSBC Bank Company Limited
Industrial Bank of Korea
JP Morgan Chase Bank Company Limited
Korea Exchange Bank
Mizuho Corporate Bank,Ltd.
Raiffeisen Zentralbank Oesterreich AG
Standard Chartered Bank Limited
Sumitomo Mitsui Banking Corporation
Wachovia Bank, NA
Woori Bank

Colombia

Citibank Colombia

Costa Rica

Banco De Costa Rica

Cuba

Banco Internacional De Comercio S.A.

Czech Republic

Commerzbank AG

Denmark

Danske Bank A/S

Ecuador	Hong Kong
Banco Internacional S.A.	American Express Bank Ltd. Bangkok Bank Public Co. Ltd Bank of America, N.A. Bank of New York Bank of Nova Scotia BNP Paribas Commerzbank AG Commonwealth Bank of Australia DBS Bank Ltd, Hong Kong Branch Deutsche Bank AG East West Bank HSBC Hong Kong Industrial Bank of Korea JP Morgan Chase Bank, N.A. Korea Exchange Bank Mizuho Corporate Bank Ltd. Standard Chartered Bank Limited Sumitomo Mitsui Banking Corporation Vietnam Finance Company Limited Wachovia Bank, NA Woori Bank
Egypt	
BNP Paribas Le Caire Citibank Cairo National Bank of Egypt	
Finland	
Danske Bank JP Morgan Europe Limited	
France	
Banca Carige SPA Banca Di Roma Succursale De Paris Banco Popular France Bank of America, N.A. Paris BNP-Paribas SA Commerzbank AG Korea Exchange Bank Mizuho Corporate Bank Ltd. Natixis SMBC Europe Limited	HSBC Hong Kong Industrial Bank of Korea JP Morgan Chase Bank, N.A. Korea Exchange Bank Mizuho Corporate Bank Ltd. Standard Chartered Bank Limited Sumitomo Mitsui Banking Corporation Vietnam Finance Company Limited Wachovia Bank, NA Woori Bank
French Guiana	Hungary
Banque Nationale De Paris Guyane	BNP Paribas Budapest Bank RT. Commerzbank RT.
Georgia	
HSBC Bank Georgia JSC	
Germany	India
American Express Bank GMBH Bank of America, N.A. Bank of New York Bayernische Hypo-Und Vereinsbank AG Hypovereinsbank BHF-Bank Aktiengesellschaft BNP Paribas S.A. Comdirect Bank AG Cominvest Asset Management GMBH Commerzbank AG Danske Bank Deutsche Bank AG European Bank for Fund Services GMHB Korea Exchange Bank AG Mizuho Corporate Bank, Ltd. Sumitomo Mitsui Banking Corporation	American Express Bank Ltd. Bank of America, N.A. Mumbai BNP Paribas India JP Morgan Chase Bank, N.A. Mizuho Corporate Bank Ltd Standard Chartered Bank
Ghana	Indonesia
Zenith Bank (Ghana) Limited Bank of Ghana	American Express Bank Ltd. Bank Artha Graha Internasional TBK, PT Bank BNP Paribas Indonesia, PT Bank of America, N.A. Deutsche Bank AG JP Morgan Chase Bank, N.A. Korea Exchange Bank Lippobank Standard Chartered Bank Woori Bank
Greece	Ireland
American Express Bank, Ltd. Bank of America, N.A. Athens BNP Paribas Greece	Bank of America, N.A. BNP Paribas Ireland Citibank Europe Pic Commerzbank Europe National Irish Bank (Part of Danske Bank Group)
Guadeloupe	Israel
Banque Nationale De Paris Succursale de Pointe A Pitre	Bank Hapoalim B.M. BNP Paribas Israel

Italy

Banca Carige SPA - Cassa Di Risparmio Di Genova E Imperia
Banca Toscana S.P.A.
Bank of America, N.A. Milano
BNP Paribas Succursale Italia
Commerzbank AG
Credito Emiliano S.P.A.
Mizuho Corporate Bank, Ltd.
SMBC Milan
The Bank of New York (Luxembourg) S.A., Milan Br.
Unicredit S.P.A.
Unipol Banca SPA

Japan

American Express Bank Ltd.
Bank of America
BNP Paribas S.A.
Calyon
Commerzbank AG
Commonwealth Bank of Australia
Industrial Bank of Korea
Korea Exchange Bank
Mizuho Bank Ltd.
Mizuho Corporate Bank,Ltd
Philippine National Bank
Standard Chartered Bank
Sumitomo Mitsui Banking Corporation
The Bank of New York Mellon
Wachovia Bank, NA
Woori Bank

Jersey, C.I.

Banque Nationale De Paris
HSBC Bank International Limited

Korea

American Express Bank Ltd.
Bank of Amerca, N.A.
Bank of Nova Scotia
BNP Paribas
Daegu Bank, Ltd.
Industrial Bank of Korea
JP Morgan Chase Bank, N.A.
Kookmin Bank
Korea Exchange Bank
Mizuho Corporate Bank, Ltd.
National Agricultural Cooperative Federation
Sumitomo Mitsui Banking Corporation
The Bank of New York Mellon
Wachovia Bank, NA
Woori Bank

Kuwait

BNP Paribas Kuwait
National Bank of Kuwait

Laos

Lao-Viet Bank

Lebanon

Intercontinental Bank of Lebanon SAL

Luxembourg

American Express Financial Services S.A.
BNP Paribas Luxembourg
Commerzbank International S.A.
Cominvest Asset Management S.A
Danske Bank International S.A.
The Bank of New York S.A.
Unibanco-Uniao De Bancos Brasileiros SA

Macao

BNP Paribas Macau Branch

Malaysia

Bank of America
Deutsche Bank
JP Morgan Chase Bank
Mizuho Corporate Bank

Martinique

Banque Nationale De Paris Succursale De Fort De France

Mauritania

BNP Paribas Mauritanie

Mexico

Bank of America

Monaco

American Express Bank Ltd.

Morocco

Citibank Maghreb

Netherlands

Bank of America, N.A.
BNP Paribas S.A.
Commerzbank AG
Korea Exchange Bank
Mizuho Corporate Bank N.V.

New Caledonia

Banque Nationale De Paris Nouvelle Caledonie

New Zealand

HSBC
Kookmin Bank

Norway

BNP Paribas
Citibank International PLC
Fokus Bank, Part of Danske Bank Group

Panama

BNP Paribas
Korea Exchange Bank

Paraguay

Interbanco S/A

Philippines

American Express Bank Ltd.
Bank of America, N.A. Manila
BNP Paribas
HSBC
Korea Exchange Bank
Mizuho Corporate Bank, Ltd.

Poland

Bank Polska Kasa Opieki SA - Bank Pekao SA
BNP Paribas S.A.
Danske Bank A/S S.A.
HSBC Bank Polska S.A.
Kredyt Bank S.A.

Portugal

BNP Paribas Sucursal Em Portugal

Qatar

BNP Paribas

Reunion

BNP Paribas La Reunion

Russian Federation

BNP Paribas Zao
Commerzbank Sao
International Bank for Economic Co-operation
Woori Bank
Zao Danske Bank

Saudi Arabia

BNP Paribas

Singapore

American Express Bank Ltd
Bank of America, N.A.
Bank of Nova Scotia
BNP Paribas
Commerzbank AG
Commonwealth Bank of Australia
DBS Bank Ltd.
Deutsche Bank AG
HSBC Singapore
JP Morgan Chase Bank, N.A.
Korea Exchange Bank
Mizuho Corporate Bank Ltd.
RZB-Austria
Skandinaviska Enskilda Banken AB
Standard Chartered Bank
Sumitomo Mitsui Banking Corporation
The Bank of New York Mellon
Woori Bank

Slovakia

Commerzbank AG

Slovenia

Nova Ljubljanska Banka D.D.

South Africa

American Express Bank Ltd
Commerzbank AG
FirstRand Bank Ltd Head Office Incl.

Spain

Banca Di Roma, S.P.A. - Sucursal En Espana
Banco De Andalucia
Banco De Castilla
Banco De Credito Balear
Banco De Galicia, S.A.
Banco De Vasconia S.A.
Banco Popular Espanol, S.A.
Bank of America N.A. Madrid
BNP Paribas Espana, S.A.
Caixa D'estalvis i Pensions De Barcelona (La Caixa)
Commerzbank AG

Sri Lanka

Citibank N.A.
Commercial Bank of Ceylon, Ltd

Sweden

Danske Bank AS, Sverige Filial

Switzerland

American Express Bank SA
Bipelle Bank (Suisse), (Banco Popolare Group)
Commerzbank AG
Credit Suisse
Deutsche Bank AG
Zuercher Kantonal Bank

Taiwan

American Express Bank Ltd
Bank of America, N.A. Taipel
Bank of Nova Scotia
Bank of Overseas Chinese
BNP Paribas Taiwan
HSBC
JP Morgan Chase Bank, N.A.
Mizuho Corporate Bank, Ltd.
Sumitomo Mitsui Banking Corporation
The Bank of New York Mellon
Wachovia Bank, NA

Thailand

American Express Bank Ltd
Bangkok Bank Public Company Limited
Bank of America, N.A.
BNP Paribas Thailand
Citibank N.A.
HSBC
JP Morgan Chase Bank, N.A.
Mizuho Corporate Bank, Ltd.
Sumitomo Mitsui Banking Corporation
Thanachart Bank Public Company Limited

Turkey

T Bank-Turkland Bank A.S.
Turkiye Vakiflar Bankasi T.A.O.

Ukraine

First Ukrainian International Bank

United Arab Emirate (UAE)

BNP Paribas
Habib Bank AG Zurich
SMBC Dubai

United Kingdom

American Express Bank Ltd.
Banca Di Roma SPA
Bank of America, N.A.
Bank of New York
BNP Paribas
Commerzbank AG
Commonwealth Bank of Australia
Danske Bank
Fortis Bank SA/NV
Industrial Bank of Korea
JP Morgan Chase Bank, N.A.
Korea Exchange Bank
Mizuho Corporate Bank, Ltd.
Northern Bank (Part of Danske Bank Group)
Raiffeisen Zentralbank AG
Standard Chartered Bank
SMBC Europe Limited
Wachovia Bank, NA
Woori Bank

United States

American Express Bank, Ltd.
Bank of America, N.A.
Bank of Nova Scotia
BNP Paribas USA
Citibank N.A.
Commerzbank AG
Commonwealth Bank of Australia
Deutsche Bank AG
Deutsche Bank Trust Company, NY
East-West Bank
Industrial Bank of Korea
JP Morgan Chase Bank, N.A.
Metrobank N.A.
Mizuho Corporate Bank Ltd
Standard Chartered Bank
Sumitomo Mitsui Banking Corporation
The Bank of New York Mellon
Wachovia Bank, NA
Woori Bank

Venezuela

Banco Del Caribe S.A.C.A.

Vietnam

An Binh Commercial Joint Stock Bank
Asia Commercial Bank
Bank for Investment & Development of Vietnam
BNP Paribas
Chinatrust Commercial Bank
Chinon Commercial Bank
Citibank N.A.
Deutsche Bank
DongA Bank
Far East National Bank
First Commercial Bank
Hanoi Building Commercial Joint Stock Bank
HSBC
Housing Bank of Mekong Delta (MHB)
Housing Development Commercial J.S. Bank
Hua Nan Commercial Bank, Ltd.
Indovina Bank Ltd.
Industrial & Commercial Bank of Vietnam
Industrial Bank of Korea
JP Morgan Chase Bank, N.A.
Korea Exchange Bank
Military Commercial Joint Stock Bank
Mizuho Corporate Bank Ltd
Nam A Commercial Joint Stock Bank
North Asia Commercial Joint Stock Bank
Orient Commercial Joint Stock Bank
Saigon Bank for Industry & Trade
Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank
Southern Commercial Joint Stock Bank
Sumitomo Mitsui Banking Corporation
Taipei Fubon Commercial Bank Co., Ltd
VID Public Bank
Vietcombank
Vietnam Asia Commercial JS Bank
Vietnam Bank for Agriculture & Rural Development
Vietnam Export Import Commercial JS Bank
Vietnam International Commercial JS Bank
Vietnam Maritime Commercial JS Bank
Vietnam Technological & Commercial JS Bank
Vinasiam Bank
Woori Bank

HỘI SỞ 191 - 203 Trần Hưng Đạo, Q.1, TP.HCM, Việt Nam
ĐT: (84-8) 3920 6501 - Fax: (84-8) 3920 6505 - Hotline: (08) 3920 2222
Website: www.scb.com.vn - SWIFT: SACLVNVX

SCB luôn hướng đến sự hoàn thiện và khách hàng

